

Số: 7541/BC-VPCP

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 9 năm 2023

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 02/10/2023

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao¹, trên cơ sở báo cáo của 23/24 bộ, ngành, 62/63 địa phương² và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 9 năm 2023 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương chú trọng cải cách TTHC, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; tập trung triển khai Kế hoạch cải cách TTHC 6 tháng cuối năm 2023; khẩn trương đề xuất phương án đơn giản hóa 59 TTHC/nhóm TTHC nội bộ trọng tâm; đồng thời, thực hiện nghiêm việc kiểm soát các quy định về TTHC, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), chỉ ban hành các TTHC, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và tiết kiệm chi phí cho xã hội³.

Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã họp Phiên thứ nhất trực tuyến toàn quốc⁴, do Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Tổ trưởng Tổ công tác chủ trì, để đánh giá kết quả công tác cải cách TTHC thời gian qua, thống nhất nhiều nhiệm vụ trọng tâm thời gian tới, góp phần thúc đẩy cải cách TTHC của từng bộ, ngành, địa phương⁵. Đồng thời, đã ban hành Kế hoạch hoạt động 4 tháng cuối năm 2023 của Tổ công tác với 13 nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện có hiệu quả

¹ Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2023.

² Văn phòng Chính phủ chưa nhận được báo cáo của Ủy ban Dân tộc và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

³ Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 10/9/2023 của Chính phủ.

⁴ Phiên họp do Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang - Tổ trưởng Tổ công tác chủ trì ngày 31/8/2023

⁵ Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Tổ trưởng Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 372/TB-VPCP ngày 11/9/2023

công tác cải cách TTHC, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao năng lực phản ứng chính sách⁶.

2. Về cải cách quy định TTHC

a) Kết quả đánh giá tác động và thẩm định, thẩm tra TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL có quy định TTHC

Các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động 91 TTHC tại 19 dự thảo VBQPPL⁷, thực hiện thẩm định 99 TTHC quy định tại 13 dự thảo VBQPPL⁸. Tính 9 tháng đầu năm 2023, các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động 807 TTHC tại 130 dự thảo VBQPPL, thẩm định 727 TTHC quy định tại 108 dự thảo VBQPPL.

Văn phòng Chính phủ đã thực hiện thẩm tra 59 TTHC và 78 quy định kinh doanh (QĐKD) tại 06 dự thảo Nghị định, trong đó, đã đề nghị không quy định 02 TTHC và 10 QĐKD, sửa đổi, bổ sung 55 TTHC và 42 QĐKD (109/137 TTHC, QĐKD, chiếm 80%). Trong 9 tháng đầu năm 2023, đã thẩm tra 953 TTHC, QĐKD tại 53 dự thảo VBQPPL, trong đó đã đề nghị không quy định 82 TTHC, QĐKD, sửa đổi, bổ sung 494 TTHC, QĐKD, chiếm 60,4% (576/953 TTHC, QĐKD).

b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

Có 02 Bộ⁹ đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định¹⁰ để cắt giảm, đơn giản hóa 84 QĐKD, nâng tổng số QĐKD được cắt giảm, đơn giản hóa trong 9 tháng đầu năm 2023 là 338 QĐKD tại 28 VBQPPL. Tính lũy kế từ năm 2021 đến nay, các bộ, ngành đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa 2.480 QĐKD tại 199 VBQPPL. Các bộ, cơ quan tích cực rà soát, cắt giảm đơn giản hóa quy định kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2023, gồm: Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đến nay, còn 03 Bộ (Công Thương, Nội vụ, Quốc phòng) chưa thực hiện rà soát, cắt giảm đơn giản hóa QĐKD thuộc phạm vi quản lý (Chi tiết tại Phụ lục I).

- Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Có 04 bộ, ngành¹¹ công bố 104 TTHC nội bộ (56 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và 48 TTHC nội bộ trong từng bộ) và 17 địa phương công bố 287 TTHC nội bộ, nâng tổng số TTHC nội bộ được công bố trong 9 tháng

⁶ Quyết định số 62/QĐ-TCTC/TTHC ngày 18/9/2023 của Tổ trưởng Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

⁷ Gồm: 05 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 07 Thông tư và 05 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁸ Gồm: 02 Luật, 03 Nghị định, 04 Thông tư, 03 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.

⁹ Gồm: Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Thông tin và Truyền thông

¹⁰ Gồm: Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 và Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ

¹¹ Gồm: Bộ Quốc phòng, Tư pháp, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban Dân tộc

năm 2023 thuộc phạm vi của 20/22¹² bộ, ngành là 1.355 TTHC (637 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và 718 TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan) và 2.492 TTHC nội bộ của 60/63 địa phương¹³; Bộ Giao thông vận tải đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 12 TTHC nội bộ; 01 địa phương (Kon Tum) phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 30 TTHC nội bộ (Chi tiết tại Phụ lục II, III).

- *Kết quả thực thi phương án phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:*

Bộ Thông tin và Truyền thông đã trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định để phân cấp 17 TTHC, nâng tổng số TTHC được phân cấp trong 9 tháng đầu năm 2023 là 106 TTHC tại 18 VBQPPL. Đến nay, các bộ, ngành đã sửa đổi 29 VBQPPL¹⁴ để thực thi phương án phân cấp 156/699 TTHC, đạt 22%. Trong đó, có 06 bộ, ngành tích cực thực hiện¹⁵, nhưng còn 10 bộ, cơ quan chưa thực thi phương án phân cấp theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ¹⁶ (Chi tiết tại Phụ lục IV).

- *Kết quả thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:*

Có 03 bộ¹⁷ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt 03 văn bản để thực thi phương án đơn giản hóa 13 TTHC. Đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa được 388 TTHC/1.086 TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư (đạt 36%), trong đó, có 05 bộ, ngành¹⁸ hoàn thành thực thi phương án, 03 bộ¹⁹ đạt trên 50% và còn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa thực thi phương án đơn giản hóa (Chi tiết tại Phụ lục V).

c) Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ

Các bộ, ngành đã ban hành mới 28 TTHC, sửa đổi bổ sung 70 TTHC và bãi bỏ 32 TTHC quy định tại 11 văn bản QPPL; tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành 05 TTHC mới quy định tại 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh (Chi tiết tại Phụ lục VI).

3. Về cải cách việc thực hiện TTHC²⁰

a) Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC

Việc công bố, công khai TTHC tại tất cả các bộ, ngành đều chậm so với thời hạn theo quy định; tại các địa phương, tỷ lệ công bố đúng hạn đạt 70,08% và

¹² Còn 02 Bộ chưa công bố TTHC nội bộ, gồm: Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Xây dựng.

¹³ Còn 03 địa phương chưa công bố TTHC nội bộ, gồm: Long An, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc.

¹⁴ Gồm: 09 Nghị định; 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 19 Thông tư.

¹⁵ Gồm: Công an, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

¹⁶ Gồm: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Y tế, Thanh tra Chính phủ và Ủy ban Dân tộc.

¹⁷ Gồm các bộ: Công an, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và truyền thông.

¹⁸ Gồm các bộ, cơ quan: Công an, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, BHXH Việt Nam.

¹⁹ Gồm các bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương

²⁰ Số liệu tại các mục a, b, c, d được tổng hợp, phân tích từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, do Văn phòng Chính phủ thực hiện.

công khai đúng hạn đạt 66,17%, tỷ lệ này cao hơn so với các bộ, ngành nhưng vẫn còn khoảng 30% TTHC công bố, công khai chậm, ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp cận, thực hiện TTHC của người dân, doanh nghiệp. Một số địa phương thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch trong tháng, như: Điện Biên, Hòa Bình, Kiên Giang, Thái Bình... (Chi tiết tại Phụ lục VII).

Bên cạnh đó, các bộ, ngành, địa phương đã tiến hành tiếp nhận, xử lý và đồng bộ công khai quá trình giải quyết của hơn 3,7 triệu hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Lũy kế từ đầu năm đến nay là 59,6 triệu hồ sơ.

b) Kết quả giải quyết TTHC

Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn tại bộ, ngành đạt 23,56% (tăng 2,44% so với tháng 8/2023), trung bình đạt 41,01%/tháng và tại địa phương đạt 72,2% (tăng 0,48% so với tháng 8/2023), trung bình đạt 87,22%/tháng. Một số bộ, địa phương thực hiện tốt việc giải quyết TTHC, như: Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và các tỉnh, thành phố: Ninh Thuận, Cao Bằng, Hưng Yên, Cần Thơ, Hải Phòng, Điện Biên, Lạng Sơn, Tiền Giang, Đắk Lắk, Lào Cai... (Chi tiết tại Phụ lục VIII).

c) Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG) đã có hơn 4.541 TTHC được các bộ, ngành, địa phương tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt 78,58%, tại địa phương đạt 68,57%. Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã xử lý hơn 2 triệu hồ sơ thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính, trong đó hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt 9,64% (giảm 18,38% so với tháng 8; trung bình đạt 52,94%/tháng), các địa phương đạt 30,36% (tăng 2,89% so với tháng 8; trung bình đạt 21,99%/tháng). Một số bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt, như: Bộ Xây dựng và các tỉnh: Thanh Hóa, Cà Mau, Long An, Bình Phước, Nghệ An, An Giang,... (Chi tiết tại Phụ lục IX, X).

d) Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC

Các bộ, ngành, địa phương đang tập trung thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả TTHC theo hướng người dân, doanh nghiệp chỉ cần cung cấp thông tin, giấy tờ một lần. Việc cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử tại các bộ, ngành đạt 48,74% (tăng 26,33% so với tháng 8/2023), tại các địa phương đạt 44,86% (tăng 0,53% so với tháng 8/2023). Lũy kế từ đầu năm, các bộ, ngành đạt 24,48%, các địa phương đạt 38,94%.

4. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

Các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận 3.438 phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định và hành vi hành chính; đã xem xét, xử lý 2.201 PAKN, đạt 64%, trong đó các bộ, ngành đã xử lý 694/1.006 PAKN, đạt 69% (tăng 38% so với tháng 8/2023), các địa phương đã xử lý 1.507/2.432 PAKN, đạt 62% (giảm 5% so với tháng 8/2023); có 07/17 bộ, ngành đã xem xét, xử lý 153 kiến nghị

của các doanh nghiệp được giao tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ, nâng tổng số kiến nghị, đề xuất được xem xét, xử lý là 213 kiến nghị, đề xuất (chiếm 53%), trong đó có 09 bộ, ngành²¹ đã hoàn thành việc xử lý các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp, 04 bộ²² chưa xem xét, xử lý kiến nghị, đề xuất nào (*Chi tiết tại Phụ lục XI, XII*).

Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu, có ý kiến và trả lời theo thẩm quyền đối với đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương (*Chi tiết tại Phụ lục XIII*).

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

- Chất lượng quy định TTHC, QĐKD tại các dự thảo văn bản QPPL vẫn chưa đáp ứng yêu cầu (*trong tháng 9/2023, vẫn còn 109/137 TTHC, QĐKD tại các dự thảo VBQPPL, chiếm 80%, được cơ quan thẩm tra đề nghị không quy định, sửa đổi, bổ sung*).

- Các bộ, ngành chậm báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án cắt giảm, đơn giản hóa các nhóm quy định, TTHC đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ đạt thấp, nhất là chưa đề xuất phương án đơn giản hóa 59 TTHC nội bộ trọng tâm; việc thực thi 19 Nghị quyết chuyên đề và phương án phân cấp trong giải quyết TTHC chưa đạt yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- 100% các bộ, ngành và khoảng 30% các địa phương công bố, công khai TTHC chậm so với thời hạn quy định; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nhất là việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng kết quả số hóa còn thấp.

- Một số bộ chưa xem xét, xử lý kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp được nêu tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do công tác cải cách TTHC tại một số bộ, ngành, địa phương vẫn chưa được quan tâm đúng mức; một số bộ phận cán bộ, công chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời...

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 10 NĂM 2023

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc kiểm soát các quy định về TTHC, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị kiểm soát

²¹ Gồm: Công an, Công Thương, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

²² Gồm: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Y tế.

TTHC trong quá trình đánh giá tác động TTHC, quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại dự thảo VBQPPL; đồng thời, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị kiểm soát TTHC và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế thuộc bộ, ngành và Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Kịp thời công bố, công khai đầy đủ, chính xác thông tin về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; triển khai thực hiện có hiệu quả việc đổi mới cơ chế Một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; tập trung nguồn lực đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

3. Khẩn trương rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án tổng thể cắt giảm, đơn giản hóa các nhóm quy định, TTHC trọng tâm, đang là rào cản, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; hoàn thành việc thực thi phương án đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, quy định kinh doanh, phân cấp trong giải quyết TTHC đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Các bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa 59 nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên theo Phụ lục III Quyết định số 933/QĐ-TTg; Bộ Tài chính hoàn thiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc ban hành Nghị định Quy định cơ chế quản lý, phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng và kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu.

5. Tập trung làm sạch toàn bộ TTHC thuộc phạm vi quản lý đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; tiếp tục thực hiện tái cấu trúc quy trình các TTHC, DVC đã được tích hợp trên Cổng DVCQG và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh; nâng cao số lượng và chất lượng DVCTT (toàn trình và một phần) thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng DVCQG và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh, bảo đảm thuận tiện, tối ưu hóa trải nghiệm người dùng.

6. Thực hiện đánh giá và công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng DVCQG, Cổng DVC cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng thông tin điện tử.

7. Tiếp tục triển khai công tác thanh tra, kiểm tra nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời xử lý, thay thế các trường hợp né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm và vi phạm pháp luật.

8. Kịp thời xem xét, xử lý PAKN của các cá nhân, tổ chức về quy định và hành vi hành chính, các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp được nêu tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở tình hình, kết quả và những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ nêu tại Mục III của Báo cáo này.

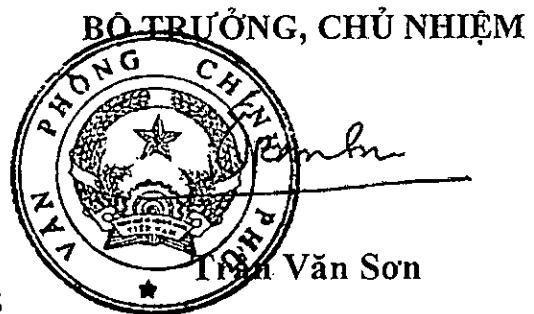
2. Chỉ đạo các cơ quan xem xét, trả lời những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục XIV kèm theo Báo cáo, nhất là các bộ, ngành chưa thực hiện giải quyết kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp tại Nghị quyết số 97/NQ-CP khẩn trương xem xét, giải quyết dứt điểm, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo.

3. Các Bộ, cơ quan: Tư pháp, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam khẩn trương hoàn thiện Phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành bảo đảm kết nối thông suốt với Phần mềm dịch vụ công liên thông trong quá trình hoạt động; Bộ Công an bảo đảm kết nối, vận hành Phần mềm dịch vụ công liên thông với các Phần mềm chuyên ngành của các bộ, cơ quan liên quan để phục vụ triển khai 02 nhóm TTHC: “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử - Xóa đăng ký thường trú - Trợ cấp mai táng - Hỗ trợ mai táng”.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 9 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 10 năm 2023, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg;
- các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN, NN, ĐMDN, TCCV, Công TTĐTCP (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTT (2b) 70



Phụ lục II

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1085/QĐ-TTg NGÀY 15/9/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 9 NĂM 2023**

*(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)*

Số TT	Tên bộ, ngành	Kết quả rà soát, công bố danh mục TTHC nội bộ							
		Số lượng quyết định công bố		Số lượng TTHC nội bộ đã công bố					
		Trong tháng 9/2023	Tổng số đến tháng 9/2023	Trong tháng 9/2023			Tổng số đến tháng 9/2023		
				Nhóm A	Nhóm B	Cộng	Nhóm A	Nhóm B	Cộng
A	B	1	2	3	4	5=(3+4)	6	7	8=(6+7)
	Tổng cộng:	5	25	56	48	104	637	718	1.355
1	Bộ Công an	0	1				19	173	192
2	Bộ Công thương	0	1				34	23	57
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1				3	3	6
3	Bộ Giao thông vận tải	0	1				31	29	60
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	1				84	11	95
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	0	1				13	12	25
7	Bộ Lao động - TB và XH	0	1				0	10	10
8	Bộ Ngoại giao	0	1				8	6	14
9	Bộ Nội vụ	0	1				14	0	14
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0	2				91	67	158
11	Bộ Quốc phòng	1	2	2	0	2	77	0	77
12	Bộ Tài chính	0	1				76	24	100
13	Bộ Tài nguyên và MT	0	0				0	0	0
14	Bộ Thông tin và TT	0	1				56	51	107
15	Bộ Tư pháp	1	2	35	0	35	58	12	70
16	Bộ Văn hóa, TT và DL	0	1				19	0	19
17	Bộ Xây dựng	0	0				0	0	0
18	Bộ Y tế	0	1				10	58	68
19	NH Nhà nước Việt Nam	0	1				0	77	77
20	Thanh tra Chính phủ	2	2	11	46	57	11	46	57
21	Ủy ban dân tộc	1	1	8	2	10	8	2	10
22	Văn phòng Chính phủ	0	2				25	114	139

Ghi chú:

- Nhóm A: TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.
- Nhóm B: TTHC nội bộ trong từng bộ, cơ quan.

Phụ lục III

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1085/QĐ-TTg NGÀY 15/9/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 9 NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 7541/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên địa phương	Kết quả rà soát, công bố TTHC nội bộ				Kết quả rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ							
		Số lượng QĐ công bố TTHC		Số TTHC nội bộ đã công bố		Trong tháng 9/2023				Tổng số đến tháng 9/2023			
		Trong tháng 9	Tổng số đến tháng 9	Trong tháng 9	Tổng số đến tháng 9	Số TTHC bãi bỏ	Số TTHC sửa đổi, bổ sung	Số TTHC giữ nguyên	Cộng	Số TTHC bãi bỏ	Số TTHC sửa đổi, bổ sung	Số TTHC giữ nguyên	Cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=(5+6+7)	9	10	11	12=(9+10+11)
Tổng cộng:		38	214	287	2.492	0	6	24	30	0	26	85	111
1	An Giang		1		8				0				0
2	Bà Rịa - Vũng Tàu		3		5				0				0
3	Bắc Giang		1		91				0				0
4	Bắc Kạn		1		59				0				0
5	Bạc Liêu	3	5	6	13				0	0	0	7	7
6	Bắc Ninh		9		55				0				0
7	Bến Tre		3		4				0				0
8	Bình Định		1		18				0				0
9	Bình Dương		4		41				0				0
10	Bình Phước	4	14	30	94				0				0
11	Bình Thuận	1	1	40	40				0				0
12	Cà Mau		2		40				0	0	20	0	20
13	Cao Bằng	1	2	11	30				0				0
14	Cần Thơ	1	7	2	21				0				0
15	Đà Nẵng		1		53				0				0
16	Đắk Lắk		1		55				0				0
17	Đắk Nông		2		21				0				0
18	Điện Biên		1		27				0				0
19	Đồng Nai	1	3	4	35				0				0
20	Đồng Tháp		11		44				0				0
21	Gia Lai		1		13				0				0
22	Hà Giang		5		59				0				0
23	Hà Nam		1		13				0				0
24	Hà Nội		16		95				0				0
25	Hà Tĩnh	4	6	21	28				0				0
26	Hải Dương		1		23				0				0
27	Hải Phòng		1		43				0				0
28	Hậu Giang		1		54				0	0	0	54	54
29	Hòa Bình		2		61				0				0
30	Hưng Yên		3		8				0				0
31	Khánh Hòa	1	4	1	7				0				0
32	Kiên Giang	4	5	32	62				0				0

33	Kon Tum		3		30	0	6	24	30	0	6	24	30
34	Lai Châu		1		60				0				0
35	Lâm Đồng	1	2	23	46				0				0
36	Lạng Sơn		2		30				0				0
37	Lào Cai		6		51				0				0
38	Long An		0		0				0				0
39	Nam Định	1	3	4	22				0				0
40	Nghệ An		1		60				0				0
41	Ninh Bình		5		20				0				0
42	Ninh Thuận	2	4	55	241				0				0
43	Phú Thọ	2	4	6	10				0				0
44	Phú Yên	1	2	2	4				0				0
45	Quảng Bình	2	16	19	98				0				0
46	Quảng Nam		1		20				0				0
47	Quảng Ngãi		2		8				0				0
48	Quảng Ninh		0		0				0				0
49	Quảng Trị		1		47				0				0
50	Sóc Trăng		18		88				0				0
51	Sơn La		1		24				0				0
52	Tây Ninh		1		39				0				0
53	Thái Bình		1		8				0				0
54	Thái Nguyên		1		41				0				0
55	Thanh Hóa		2		21				0				0
56	TP. Hồ Chí Minh		1		10				0				0
57	Thừa Thiên - Huế	1	4	4	30				0				0
58	Tiền Giang		1		8				0				0
59	Trà Vinh		1		124				0				0
60	Tuyên Quang		1		23				0				0
61	Vĩnh Long	8	9	27	59				0				0
62	Vĩnh Phúc		0		0				0				0
63	Yên Bái		1		50				0				0

Phụ lục IV

**KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT TTHC
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1015/QĐ-TTg NGÀY 30/8/2022 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
THÁNG 9 NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: 1541/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC đã được phê duyệt phương án phân cấp	Số TTHC đã thực thi phương án phân cấp trong tháng 9/2023			Tổng số TTHC đã thực thi đến tháng 9/2023		Số TTHC còn chưa thực thi phương án phân cấp	
			Tổng số	Trong đó:			Số TTHC đã phân cấp		Tỷ lệ % so với tổng số
				TTHC được phân cấp từ CP, TTg xuống các bộ, cơ quan	TTHC được phân cấp từ trung ương xuống địa phương	TTHC được phân cấp trong nội bộ			
A	B	1	2=(3+4+5)	3	4	5	6	7=(6/1)%	8 = (1-6)
Tổng số		699	17	0	0	17	156	22%	543
1	Bộ Công an	49	0				11	22%	38
2	Bộ Công Thương	45	0				0	0%	45
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	19	0				1	5%	18
3	Bộ Giao thông vận tải	58	0				21	36%	37
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	26	0				2	8%	24
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	12	0				0	0%	12
7	Bộ Lao động, T.bình và XH	3	0				2	67%	1
8	Bộ Ngoại giao	2	0				0	0%	2
9	Bộ Nội vụ	55	0				0	0%	55
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	49	0				45	92%	4
11	Bộ Quốc phòng	40	0				9	23%	31
12	Bộ Tài chính	46	0				0	0%	46
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	36	0				18	50%	18
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	66	17	0	0	17	19	29%	47
15	Bộ Tư pháp	59	0				0	0%	59
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	25	0				0	0%	25
17	Bộ Xây dựng	15	0				8	53%	7
18	Bộ Y tế	69	0				0	0%	69
19	Ngân hàng NN Việt Nam	20	0				20	100%	0
20	Thanh tra Chính phủ	3	0				0	0%	3
21	Ủy ban dân tộc	2	0				0	0%	2

Phụ lục V
KẾT QUẢ THỰC THI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA
THEO 19 NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐƠN GIẢN HÓA TTHC,
GIẤY TỜ CÔNG DÂN LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DÂN CƯ
THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 154/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC thực thi phương án theo 19 N.quyết	Số TTHC đã thực thi phương án			Số TTHC còn tiếp tục phải thực thi	Số lượng văn bản còn lại cần sửa đổi, bổ sung, thay thế để thực thi				
			Trong tháng 9	Tổng số đến tháng 9/2023	Tỷ lệ % so với tổng số		Luật	Nghị định	QĐ của TTgCP	Thông tư liên tịch	Thông tư
A	B	1	2	3	4=(3/1)%	5=(1-3)	6	7	8	9	10
Tổng cộng:		1,086	13	388	36%	698	1	38	0	25	90
1	Bộ Công an	114	1	114	100%	0	0	0	0	0	0
2	Bộ Khoa học và Công nghệ	13	4	13	100%	0	0	1	0	0	0
3	Bộ Nông nghiệp và PTNT	15	0	15	100%	0	0	0	0	0	0
4	Bộ Xây dựng	17	0	17	100%	0	0	1	0	0	3
5	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	10	0	10	100%	0	0	0	0	0	0
6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	32	0	27	84%	5	0	2	0	0	1
7	Bộ Tài nguyên và Môi trường	28	0	16	57%	12	0	0	0	0	5
8	Bộ Công Thương	67	0	36	54%	31	0	2	0	0	2
9	Bộ Lao động, T.bình và XH	60	0	28	47%	32	0	0	0	4	8
10	Bộ Quốc phòng	52	0	22	42%	30	0	2	0	6	2
11	Bộ Tài chính	71	0	29	41%	42	0	2	0	0	4
12	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	30	0	10	33%	20	0	2	0	0	5
13	Bộ Giao thông vận tải	106	0	17	16%	89	0	6	0	0	16
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	55	8	9	16%	46	0	1	0	0	9
15	Bộ Tư pháp	98	0	14	14%	84	1	3	0	11	0
16	Bộ Y tế	73	0	8	11%	65	0	4	0	3	8
17	Bộ Ngoại giao	26	0	2	8%	24	0	3	0	1	5
18	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	100	0	1	1%	99	0	0	0	0	3
19	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	119	0	0	0%	119	0	9	0	0	19

Phụ lục VI
KẾT QUẢ BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BÃI BỎ TTHC
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số lượng TTHC đã được công bố, công khai			Số lượng quyết định công bố	Số lượng văn bản QPPL quy định TTHC được công bố	Ghi chú
		TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ			
A	B	1	2	3	4	5	6
BỘ, NGÀNH		28	70	32	12	11	
1	Bộ Giao thông vận tải	4	4	0	2	2	
2	Bộ Khoa học và Công nghệ	0	20	3	4	3	
3	Bộ Quốc phòng	0	0	0	1	2	
4	Bộ Tài chính	0	2	0	1	1	
5	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	14	40	9	1	0	
6	Bộ Y tế	8	0	13	1	1	
7	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	0	4	0	1	1	
8	Ngân hàng Chính sách xã hội	2	0	7	1	1	
ĐỊA PHƯƠNG		5	0	0	1	1	
1	Thừa Thiên - Huế	5	0	0	1	1	

Phụ lục VII

KẾT QUẢ CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Tỷ lệ công khai, minh bạch (%)		Mục tiêu Chính phủ là tỷ lệ công khai, minh bạch đạt 100% (Theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; 92/2017/NĐ-CP; 61/2018/NĐ-CP; 107/2021/NĐ-CP và Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ)
		Trong tháng 9/2023 (%)	Lũy kế từ 01/01 đến 25/9/2023 (%)	
BỘ, NGÀNH				
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	90.5	39.3	Chưa hoàn thành
2	Bộ Công an	66.7	27.4	Chưa hoàn thành
3	Bộ Công Thương	66.7	23.1	Chưa hoàn thành
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	66.7	33.3	Chưa hoàn thành
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	66.7	33.3	Chưa hoàn thành
6	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	66.7	20.3	Chưa hoàn thành
7	Bộ Ngoại giao	66.7	33.3	Chưa hoàn thành
8	Bộ Nội vụ	66.7	66.7	Chưa hoàn thành
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	66.7	33	Chưa hoàn thành
10	Bộ Quốc phòng	66.7	20.6	Chưa hoàn thành
11	Bộ Tài chính	66.7	30.9	Chưa hoàn thành
12	Bộ Tài nguyên và Môi trường	66.7	14.3	Chưa hoàn thành
13	Bộ Thông tin và Truyền thông	66.7	34.6	Chưa hoàn thành
14	Bộ Tư pháp	66.7	34.5	Chưa hoàn thành
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	66.7	34.9	Chưa hoàn thành
16	Bộ Xây dựng	66.7	33.3	Chưa hoàn thành
17	Bộ Y tế	66.7	33.3	Chưa hoàn thành
18	Ngân hàng Nhà nước	66.7	28.1	Chưa hoàn thành
19	Bộ Khoa học và Công nghệ	33.3	17.1	Chưa hoàn thành
20	Bộ Giao thông vận tải	11.1	13.9	Chưa hoàn thành
ĐỊA PHƯƠNG				
1	Điện Biên	99.3	82.2	Chưa hoàn thành
2	Hòa Bình	99.3	93.7	Chưa hoàn thành
3	Kiên Giang	98.8	64.9	Chưa hoàn thành
4	Thái Bình	97.1	50.2	Chưa hoàn thành
5	Nam Định	97	67.9	Chưa hoàn thành
6	Yên Bái	97	92.9	Chưa hoàn thành
7	Bình Định	96.1	98.5	Chưa hoàn thành
8	Đồng Tháp	95.9	41.1	Chưa hoàn thành
9	Bắc Kạn	94.3	56.2	Chưa hoàn thành
10	Bến Tre	91.9	51.6	Chưa hoàn thành
11	Hải Dương	88.1	73.6	Chưa hoàn thành
12	Thành phố Cần Thơ	85.4	40.8	Chưa hoàn thành
13	Đắk Nông	83.4	53.7	Chưa hoàn thành
14	Thái Nguyên	83.1	86	Chưa hoàn thành

15	Quảng Bình	80.3	59.9	Chưa hoàn thành
16	Vĩnh Phúc	78.9	66.7	Chưa hoàn thành
17	Cao Bằng	71.6	90.4	Chưa hoàn thành
18	Thanh Hoá	70.4	91.6	Chưa hoàn thành
19	Đắk Lắk	70	88.5	Chưa hoàn thành
20	Lào Cai	68.7	78.6	Chưa hoàn thành
21	Sóc Trăng	67.6	65.7	Chưa hoàn thành
22	Quảng Trị	67.5	76.9	Chưa hoàn thành
23	Bắc Ninh	67.3	89.2	Chưa hoàn thành
24	Lâm Đồng	67.3	84.2	Chưa hoàn thành
25	Lạng Sơn	67.2	52.1	Chưa hoàn thành
26	Nghệ An	67.2	44.9	Chưa hoàn thành
27	Sơn La	67.2	77.3	Chưa hoàn thành
28	Vĩnh Long	67.2	54.6	Chưa hoàn thành
29	Đồng Nai	66.7	57.7	Chưa hoàn thành
30	Hậu Giang	66.7	43.2	Chưa hoàn thành
31	Ninh Thuận	66.7	60.6	Chưa hoàn thành
32	Phú Yên	66.7	39.1	Chưa hoàn thành
33	Quảng Ninh	66.7	31.2	Chưa hoàn thành
34	Thành phố Đà Nẵng	66.7	47.8	Chưa hoàn thành
35	Thành phố Hà Nội	66.7	72.4	Chưa hoàn thành
36	Thành phố Hồ Chí Minh	66.7	76.6	Chưa hoàn thành
37	Tiền Giang	66.7	46.8	Chưa hoàn thành
38	Trà Vinh	66.7	77.7	Chưa hoàn thành
39	Tuyên Quang	65.8	46.1	Chưa hoàn thành
40	Kon Tum	65.5	97.8	Chưa hoàn thành
41	Bà Rịa - Vũng Tàu	64.9	65.5	Chưa hoàn thành
42	Hà Nam	64.8	68.8	Chưa hoàn thành
43	Ninh Bình	60.7	62.6	Chưa hoàn thành
44	Cà Mau	60.6	98.8	Chưa hoàn thành
45	Hưng Yên	60.1	57.1	Chưa hoàn thành
46	Hà Giang	59.1	52.1	Chưa hoàn thành
47	Thừa Thiên Huế	58	63.1	Chưa hoàn thành
48	Thành phố Hải Phòng	56.6	58.3	Chưa hoàn thành
49	Bình Dương	56.3	80.7	Chưa hoàn thành
50	Lai Châu	55.2	94.3	Chưa hoàn thành
51	Tây Ninh	54.9	81.6	Chưa hoàn thành
52	Khánh Hòa	54	39.8	Chưa hoàn thành
53	Bắc Giang	53.5	71.8	Chưa hoàn thành
54	Hà Tĩnh	52.2	54.1	Chưa hoàn thành
55	Gia Lai	51.9	44.7	Chưa hoàn thành
56	Long An	49.8	62	Chưa hoàn thành
57	Bình Thuận	48.8	46.7	Chưa hoàn thành
58	Bình Phước	48.6	83.2	Chưa hoàn thành
59	Phú Thọ	42.8	79.6	Chưa hoàn thành
60	Quảng Ngãi	38.7	69.1	Chưa hoàn thành
61	Quảng Nam	36.5	35.3	Chưa hoàn thành
62	An Giang	32.1	49.5	Chưa hoàn thành
63	Bạc Liêu	23.3	54.4	Chưa hoàn thành

Phụ lục VIII
KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 154/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Tỷ lệ xử lý hồ sơ TTHC được giải quyết đúng, trước hạn (%)		Mục tiêu của Chính phủ tối thiểu 90% hồ sơ TTHC trở lên giải quyết đúng hoặc trước hạn (Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ)
		Trong tháng 9/2023 (%)	Lũy kế từ 01/01 đến 25/9/2023 (%)	
BỘ, NGÀNH		23.56%	41.01%	
1	Bộ Tư pháp	91.09	97.32	Hoàn thành
2	Bộ Quốc phòng	89.23	93.52	Hoàn thành
3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	70.9	84.02	Chưa hoàn thành
4	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	47.35	71.71	Chưa hoàn thành
5	Ngân hàng Nhà nước	44.95	82.3	Chưa hoàn thành
6	Bộ Thông tin và Truyền thông	27.5	58.46	Chưa hoàn thành
7	Bộ Công Thương	14.69	47.13	Chưa hoàn thành
8	Bộ Ngoại giao	13.16	27.02	Chưa hoàn thành
9	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12.69	27.81	Chưa hoàn thành
10	Bộ Khoa học và Công nghệ	12.63	13.85	Chưa hoàn thành
11	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	11.23	41.14	Chưa hoàn thành
12	Bộ Xây dựng	8.52	9.88	Chưa hoàn thành
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	7.26	23.28	Chưa hoàn thành
14	Bộ Công an	6.79	17.92	Chưa hoàn thành
15	Bộ Giao thông vận tải	6.26	23.05	Chưa hoàn thành
16	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2.51	3.72	Chưa hoàn thành
17	Bộ Nội vụ	2.45	29.61	Chưa hoàn thành
18	Bộ Tài chính	2.02	13.22	Chưa hoàn thành
19	Bộ Y tế	0.02	10.5	Chưa hoàn thành
20	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	44.66	Chưa hoàn thành
ĐỊA PHƯƠNG		72.20%	87.22%	
1	Ninh Thuận	95.89	93.48	Hoàn thành
2	Cao Bằng	94.46	94.98	Hoàn thành
3	Hưng Yên	94.02	97.39	Hoàn thành
4	Thành phố Cần Thơ	93.76	94.63	Hoàn thành
5	Thành phố Hải Phòng	93.41	95.76	Hoàn thành
6	Điện Biên	93.34	97.1	Hoàn thành
7	Lạng Sơn	92.66	95.29	Hoàn thành
8	Tiền Giang	92.37	96.04	Hoàn thành
9	Đắk Lắk	91.16	94.77	Hoàn thành
10	Lào Cai	91.1	93.67	Hoàn thành
11	Nam Định	90.63	93.06	Hoàn thành
12	Nghệ An	90.16	91.94	Hoàn thành
13	Quảng Ngãi	90.1	95.84	Hoàn thành
14	Hòa Bình	89.92	90	Chưa hoàn thành
15	Sơn La	89.73	96.04	Hoàn thành

16	Bắc Giang	88.74	87.49	Chưa hoàn thành
17	An Giang	88.6	94.84	Hoàn thành
18	Kon Tum	85.47	92.05	Hoàn thành
19	Bình Định	84.85	92.03	Hoàn thành
20	Bắc Ninh	84.33	86.25	Chưa hoàn thành
21	Thái Nguyên	83.16	93.55	Hoàn thành
22	Yên Bái	82.51	93.07	Hoàn thành
23	Lâm Đồng	82.2	91.04	Hoàn thành
24	Bình Dương	81.96	91.54	Hoàn thành
25	Cà Mau	81.54	90.95	Hoàn thành
26	Sóc Trăng	80.64	91.77	Hoàn thành
27	Bến Tre	79.44	89.16	Chưa hoàn thành
28	Trà Vinh	79.22	82.59	Chưa hoàn thành
29	Long An	78.85	91.49	Hoàn thành
30	Tây Ninh	78.31	92.64	Hoàn thành
31	Thái Bình	78.16	88.21	Chưa hoàn thành
32	Đồng Tháp	77.55	77.49	Chưa hoàn thành
33	Bắc Kạn	77.45	92.16	Hoàn thành
34	Kiên Giang	75.68	93.4	Hoàn thành
35	Đồng Nai	74.82	89.78	Chưa hoàn thành
36	Hà Tĩnh	73.72	38.99	Chưa hoàn thành
37	Bà Rịa - Vũng Tàu	73.64	86.6	Chưa hoàn thành
38	Tuyên Quang	73.61	93.38	Hoàn thành
39	Quảng Nam	72.67	89.53	Chưa hoàn thành
40	Hà Nam	70.98	93.61	Hoàn thành
41	Hà Giang	70.87	86.76	Chưa hoàn thành
42	Quảng Trị	70.65	91.08	Hoàn thành
43	Quảng Ninh	69.83	87.02	Chưa hoàn thành
44	Vĩnh Phúc	69.64	94.23	Hoàn thành
45	Bình Thuận	67.98	88.04	Chưa hoàn thành
46	Thanh Hoá	66.17	74.71	Chưa hoàn thành
47	Thành phố Đà Nẵng	65.06	81.27	Chưa hoàn thành
48	Lai Châu	64.24	91.22	Hoàn thành
49	Hải Dương	63.75	88.54	Chưa hoàn thành
50	Phú Thọ	62.92	86.31	Chưa hoàn thành
51	Thừa Thiên Huế	59.17	85.21	Chưa hoàn thành
52	Phú Yên	56.56	80.89	Chưa hoàn thành
53	Ninh Bình	54.37	84.49	Chưa hoàn thành
54	Khánh Hòa	52.88	87.95	Chưa hoàn thành
55	Thành phố Hồ Chí Minh	51.54	86.48	Chưa hoàn thành
56	Đắk Nông	47.74	82.78	Chưa hoàn thành
57	Hậu Giang	39.35	84.35	Chưa hoàn thành
58	Bình Phước	33.55	91.29	Hoàn thành
59	Gia Lai	33.38	77.72	Chưa hoàn thành
60	Quảng Bình	33.23	58.77	Chưa hoàn thành
61	Thành phố Hà Nội	19.13	83.3	Chưa hoàn thành
62	Vĩnh Long	16.54	59.96	Chưa hoàn thành
63	Bạc Liêu	9.37	38.99	Chưa hoàn thành

Phụ lục IX

TỶ LỆ TTTC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP

THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 7541/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023

của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Tỷ lệ TTTC thuộc thẩm quyền giải quyết đã cung cấp DVC trực tuyến từ 01/01/2023 đến 25/9/2023 (%)	Mục tiêu của Chính phủ là đến đầu năm 2023 tối thiểu 70% TTTC phải cung cấp DVC trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
BỘ, NGÀNH			
1	Bộ Xây dựng	100	Hoàn thành
2	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80.95	Hoàn thành
3	Bộ Y tế	73.29	Hoàn thành
4	Bộ Tài nguyên và Môi trường	71.56	Hoàn thành
5	Bộ Giáo dục và Đào tạo	69.38	Chưa hoàn thành
6	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	65.14	Chưa hoàn thành
7	Bộ Công an	63.35	Chưa hoàn thành
8	Bộ Tư pháp	62.77	Chưa hoàn thành
9	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	53.85	Chưa hoàn thành
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	53.79	Chưa hoàn thành
11	Bộ Công Thương	47.87	Chưa hoàn thành
12	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	35.09	Chưa hoàn thành
13	Bộ Tài chính	34.79	Chưa hoàn thành
14	Bộ Nội vụ	28.35	Chưa hoàn thành
15	Bộ Quốc phòng	25.31	Chưa hoàn thành
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	25.28	Chưa hoàn thành
17	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	14.06	Chưa hoàn thành
18	Bộ Giáo dục và Đào tạo	13.41	Chưa hoàn thành
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8.38	Chưa hoàn thành
20	Bộ Ngoại giao	5.71	Chưa hoàn thành
ĐỊA PHƯƠNG			
1	Thanh Hoá	86.89	Hoàn thành
2	Cà Mau	84.69	Hoàn thành
3	Long An	82.84	Hoàn thành
4	Bình Phước	80.26	Hoàn thành
5	Nghệ An	79.57	Hoàn thành
6	An Giang	76.69	Hoàn thành
7	Lạng Sơn	76.39	Hoàn thành
8	Thành phố Cần Thơ	75.8	Hoàn thành
9	Bình Định	75.53	Hoàn thành
10	Kon Tum	75.29	Hoàn thành
11	Bà Rịa - Vũng Tàu	75.28	Hoàn thành
12	Hậu Giang	74.54	Hoàn thành
13	Bến Tre	74.25	Hoàn thành
14	Vĩnh Phúc	73.74	Hoàn thành

15	Tiền Giang	73.29	Hoàn thành
16	Quảng Ninh	73.08	Hoàn thành
17	Quảng Nam	73.07	Hoàn thành
18	Thừa Thiên Huế	72.68	Hoàn thành
19	Lào Cai	72.38	Hoàn thành
20	Bạc Liêu	72.13	Hoàn thành
21	Bắc Kạn	71.24	Hoàn thành
22	Hòa Bình	70.88	Hoàn thành
23	Bắc Giang	70.43	Hoàn thành
24	Thành phố Đà Nẵng	69.67	Chưa hoàn thành
25	Hưng Yên	69.34	Chưa hoàn thành
26	Tây Ninh	69.31	Chưa hoàn thành
27	Hà Nam	68.86	Chưa hoàn thành
28	Nam Định	68.19	Chưa hoàn thành
29	Hà Tĩnh	67.19	Chưa hoàn thành
30	Cao Bằng	67.11	Chưa hoàn thành
31	Ninh Thuận	66.11	Chưa hoàn thành
32	Thái Bình	65.38	Chưa hoàn thành
33	Đắk Lắk	64.84	Chưa hoàn thành
34	Kiên Giang	63.45	Chưa hoàn thành
35	Ninh Bình	63.16	Chưa hoàn thành
36	Vĩnh Long	61.81	Chưa hoàn thành
37	Hà Giang	61.15	Chưa hoàn thành
38	Đồng Tháp	60.87	Chưa hoàn thành
39	Quảng Trị	60.32	Chưa hoàn thành
40	Bình Dương	58.97	Chưa hoàn thành
41	Đồng Nai	57.37	Chưa hoàn thành
42	Sóc Trăng	55.81	Chưa hoàn thành
43	Lai Châu	55.74	Chưa hoàn thành
44	Thái Nguyên	54.48	Chưa hoàn thành
45	Trà Vinh	53.87	Chưa hoàn thành
46	Phú Thọ	52.28	Chưa hoàn thành
47	Bắc Ninh	51.22	Chưa hoàn thành
48	Lâm Đồng	48.21	Chưa hoàn thành
49	Quảng Ngãi	46.51	Chưa hoàn thành
50	Gia Lai	45.78	Chưa hoàn thành
51	Tuyên Quang	45.43	Chưa hoàn thành
52	Điện Biên	39.94	Chưa hoàn thành
53	Thành phố Hồ Chí Minh	39.87	Chưa hoàn thành
54	Thành phố Hải Phòng	37.12	Chưa hoàn thành
55	Quảng Bình	36.72	Chưa hoàn thành
56	Khánh Hòa	34.59	Chưa hoàn thành
57	Hải Dương	34.09	Chưa hoàn thành
58	Sơn La	29.44	Chưa hoàn thành
59	Bình Thuận	29.19	Chưa hoàn thành
60	Phú Yên	28.37	Chưa hoàn thành
61	Yên Bái	28.14	Chưa hoàn thành
62	Đắk Nông	20.91	Chưa hoàn thành
63	Thành phố Hà Nội	13.82	Chưa hoàn thành

Phụ lục X
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THANH TOÁN TRỰC TUYẾN
THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên Bộ, ngành, địa phương	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (TTHC)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến (%)		Mục tiêu của Chính phủ tối thiểu 30% trong tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính
			Trong tháng 9/2023 (%)	Bình quân từ 01/01 đến 25/9/2023 (%)	
BỘ, NGÀNH					
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2	100	100	Hoàn thành
2	Bộ Xây dựng	12	88	92.5	Hoàn thành
3	Bộ Quốc phòng	46	60	81.6	Hoàn thành
5	Bộ Công an	113	11.5	72.7	Hoàn thành
4	Bộ Tài nguyên và Môi trường	45	51.5	57.5	Hoàn thành
6	Bộ Tài chính	142	27.6	27.6	Chưa hoàn thành
7	Ngân hàng Nhà nước	56	24.5	21.2	Chưa hoàn thành
8	Bộ Giao thông vận tải	195	13.9	17.2	Chưa hoàn thành
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	42	2.5	14.5	Chưa hoàn thành
9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	41	4.6	7.4	Chưa hoàn thành
11	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	74	0.1	0.1	Chưa hoàn thành
12	Bộ Tư pháp	112	0.1	0	Chưa hoàn thành
13	Bộ Công Thương	24	0	0	Chưa hoàn thành
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	3	0	0	Chưa hoàn thành
15	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	75	0	0	Chưa hoàn thành
16	Bộ Khoa học và Công nghệ	84	0	0	Chưa hoàn thành
17	Bộ Lao động – Thương binh và xã hội	10	0	0	Chưa hoàn thành
18	Bộ Ngoại giao	38	0	0	Chưa hoàn thành
19	Bộ Nội vụ	5	0	0	Chưa hoàn thành
20	Bộ Y tế	201	0	0	Chưa hoàn thành
ĐỊA PHƯƠNG					
1	Nam Định	477	88.02	83.78	Hoàn thành
2	Hòa Bình	374	89.86	80.62	Hoàn thành
3	Hà Nam	430	66.92	67.82	Hoàn thành
4	Cà Mau	569	56.88	64.44	Hoàn thành
5	Lào Cai	600	70.14	62.39	Hoàn thành
6	Bắc Giang	562	70.13	58.44	Hoàn thành
7	Hà Giang	456	63.17	54.66	Hoàn thành
8	Bình Định	554	52.71	50.34	Hoàn thành
9	Lâm Đồng	523	50.41	49.56	Hoàn thành
10	Thành phố Đà Nẵng	584	36.5	41.76	Hoàn thành
11	Hải Dương	435	49	38.31	Hoàn thành
12	Tây Ninh	536	47.13	38.16	Hoàn thành
13	Thành phố Cần Thơ	460	49.61	37.8	Hoàn thành

14	Lai Châu	305	52.34	36.42	Hoàn thành
15	Thái Nguyên	182	73.71	36.32	Hoàn thành
16	Điện Biên	474	49.77	32.56	Hoàn thành
17	Yên Bái	600	32.45	29.58	Chưa hoàn thành
18	Quảng Ninh	479	40.05	29.5	Chưa hoàn thành
19	Bình Dương	593	44.88	27.88	Chưa hoàn thành
20	Quảng Ngãi	507	61.56	27.38	Chưa hoàn thành
21	Khánh Hòa	430	31.24	27.27	Chưa hoàn thành
22	Kiên Giang	533	54.96	26.82	Chưa hoàn thành
23	Phú Yên	458	38.92	25.9	Chưa hoàn thành
24	Thành phố Hải Phòng	420	55.02	25.3	Chưa hoàn thành
25	Vĩnh Phúc	473	35.76	24.32	Chưa hoàn thành
26	Bình Phước	343	27.58	23.84	Chưa hoàn thành
27	Bắc Ninh	456	27.42	22.73	Chưa hoàn thành
28	Hà Tĩnh	546	47.89	21.79	Chưa hoàn thành
29	Hưng Yên	850	52.13	21.22	Chưa hoàn thành
30	Bà Rịa - Vũng Tàu	575	52.76	18.66	Chưa hoàn thành
31	Long An	765	40.85	18.05	Chưa hoàn thành
32	Kon Tum	483	47.81	17.09	Chưa hoàn thành
33	Quảng Trị	545	25.28	12.48	Chưa hoàn thành
34	Tuyên Quang	445	36.17	11.5	Chưa hoàn thành
35	Thanh Hoá	652	21.19	10.94	Chưa hoàn thành
36	Đồng Tháp	504	39.01	10.71	Chưa hoàn thành
37	Thành phố Hồ Chí Minh	695	16.35	9.94	Chưa hoàn thành
38	An Giang	509	15.46	9.27	Chưa hoàn thành
39	Quảng Nam	515	10.84	8.21	Chưa hoàn thành
40	Nghệ An	881	16.91	7.89	Chưa hoàn thành
41	Bình Thuận	474	15.6	7.15	Chưa hoàn thành
42	Phú Thọ	434	9.6	6.43	Chưa hoàn thành
43	Đắk Nông	541	9.47	5.15	Chưa hoàn thành
44	Thừa Thiên Huế	1691 (CSDL TTHC chưa được chuẩn hóa, làm sạch)	8.59	4.36	Chưa hoàn thành
45	Cao Bằng	500	5.97	4.22	Chưa hoàn thành
46	Quảng Bình	601	8.04	3.85	Chưa hoàn thành
47	Bến Tre	464	10.64	3.24	Chưa hoàn thành
48	Thành phố Hà Nội	514	8.07	2.87	Chưa hoàn thành
49	Bắc Kạn	646	2.1	2.46	Chưa hoàn thành
50	Tiền Giang	638	10.32	1.66	Chưa hoàn thành
51	Hậu Giang	420	16.48	1.51	Chưa hoàn thành
52	Trà Vinh	567	1.31	1.22	Chưa hoàn thành
53	Đồng Nai	1536 (CSDL TTHC chưa được chuẩn hóa, làm sạch)	1.74	1.13	Chưa hoàn thành
54	Lạng Sơn	476	2.42	1.05	Chưa hoàn thành
55	Sóc Trăng	568	2.44	0.96	Chưa hoàn thành
56	Vĩnh Long	469	1.11	0.83	Chưa hoàn thành
57	Đắk Lắk	660	1.53	0.65	Chưa hoàn thành
58	Gia Lai	607	0	0.46	Chưa hoàn thành

59	Ninh Thuận	1094 (CSDL TTHC chưa được chuẩn hóa, làm sạch)	2.99	0.36	Chưa hoàn thành
60	Bạc Liêu	493	0	0.36	Chưa hoàn thành
61	Ninh Bình	466	1.41	0.34	Chưa hoàn thành
62	Thái Bình	529	0	0.32	Chưa hoàn thành
63	Sơn La	534	0	0.22	Chưa hoàn thành

Phụ lục XI

KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý				Số PAKN đang còn tiếp tục xử lý
		Tổng	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Tháng 8 ch.sang	Tiếp nhận trong tháng 9		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1=(2+3)	2	3	4=(5+6)	5	6	7=(4/1)%	8=(1-4)
Tổng cộng (I+II):		3.438	784	2.654	2.201	2.166	35	64%	1.237
I	BỘ, NGÀNH	1.006	214	792	694	694	0	69%	312
1	Bộ Công an	79	31	48	79	79	0	100%	0
2	Bộ Công Thương	4	0	4	0	0	0	0%	4
3	Bộ Giao thông vận tải	79	31	48	79	79	0	100%	0
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	120	0	120	90	90	0	75%	30
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	13	0	13	10	10	0	77%	3
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	19	11	8	11	11	0	58%	8
7	Bộ Lao động, Thương binh và XH	0	0	0	0	0	0	0%	0
8	Bộ Ngoại giao	8	4	4	4	4	0	50%	4
9	Bộ Nội vụ	150	80	70	92	92	0	61%	58
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển NT	4	0	4	3	3	0	75%	1
11	Bộ Quốc phòng	11	0	11	11	11	0	100%	0
12	Bộ Tài chính	197	0	197	99	99	0	50%	98
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	175		175	130	130		74%	45
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	35	6	29	26	26	0	74%	9
15	Bộ Tư pháp	8	0	8	5	5	0	63%	3
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11	0	11	4	4	0	36%	7
17	Bộ Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0%	0
18	Bộ Y tế	1	0	1	0	0	0	0%	1
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0%	0
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	0%	0
21	Ủy ban dân tộc	0	0	0	0	0	0	0%	0
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	91	51	40	50	50	0	55%	41
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	0	1	1	1	0	100%	0
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0%	0
II	ĐỊA PHƯƠNG	2.432	570	1.862	1.507	1.472	35	62%	925
1	An Giang	51	19	32	26	17	9	51%	25
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	0			0			0%	0
3	Bắc Giang	4	0	4	3	3	0	75%	1
4	Bắc Kạn	1	0	1	1	1	0	100%	0
5	Bạc Liêu	5	0	5	5	0	5	100%	0
6	Bắc Ninh	6	3	3	3	3	0	50%	3
7	Bến Tre	9	0	9	9	9	0	100%	0
8	Bình Định	18	0	18	14	14	0	78%	4
9	Bình Dương	467	270	197	121	121	0	26%	346
10	Bình Phước	27	0	27	23	23	0	85%	4

9	Bình Dương	467	270	197	121	121	0	26%	346
10	Bình Phước	27	0	27	23	23	0	85%	4
11	Bình Thuận	19	0	19	0	0	0	0%	19
12	Cà Mau	2	0	2	2	2	0	100%	0
13	Cao Bằng	1	0	1	1	1	0	100%	0
14	Cần Thơ	41	0	41	31	31	0	76%	10
15	Đà Nẵng	142	0	142	104	104	0	73%	38
16	Đắk Lắk	17	2	15	9	9	0	53%	8
17	Đắk Nông	27	11	16	7	7	0	26%	20
18	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0%	0
19	Đồng Nai	105	0	105	79	79	0	75%	26
20	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0%	0
21	Gia Lai	43	0	43	30	30	0	70%	13
22	Hà Giang	5	0	5	5	5	0	100%	0
23	Hà Nam	18	0	18	15	15	0	83%	3
24	Hà Nội	579	0	579	579	579	0	100%	0
25	Hà Tĩnh	0	0	0	3	3	0	0%	3
26	Hải Dương	9	0	9	8	8	0	89%	1
27	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0%	0
28	Hậu Giang	9	4	5	8	8	0	89%	1
29	Hòa Bình	22		22	13	9	4	59%	9
30	Hưng Yên	2	2	0	2	2	0	100%	0
31	Khánh Hòa	51	0	51	49	49	0	96%	2
32	Kiên Giang	17	0	17	6	6	0	35%	11
33	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0%	0
34	Lai Châu	1	0	1	0	0	0	0%	1
35	Lâm Đồng	19	0	19	19	19	0	100%	0
36	Lạng Sơn	23	0	23	15	15	0	65%	8
37	Lào Cai	2	0	2	2	2	0	100%	0
38	Long An	16	0	16	13	13	0	81%	3
39	Nam Định	1	0	1	1	1	0	100%	0
40	Nghệ An	27	0	27	0	0	0	0%	27
41	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0%	0
42	Ninh Thuận	5	0	5	5	5	0	100%	0
43	Phú Thọ	77	48	29	13	13		17%	64
44	Phú Yên	8	0	8	3	3	0	38%	5
45	Quảng Bình	4	0	4	4	4	0	100%	0
46	Quảng Nam	180	126	54	30	30	0	17%	150
47	Quảng Ngãi	26	2	24	10	10	0	38%	16
48	Quảng Ninh	2	0	2	2	2	0	100%	0
49	Quảng Trị	6	0	6	6	6	0	100%	0
50	Sóc Trăng	7	0	7	2	2	0	29%	5
51	Sơn La	14	11	3	3	3	0	21%	11
52	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0%	0
53	Thái Bình	17		17	16	16	0	0%	1
54	Thái Nguyên	8	0	8	6	6	0	75%	2

55	Thanh Hóa	59	20	39	43	43	0	73%	16
56	TP. Hồ Chí Minh	163	52	111	96	79	17	59%	67
57	Thừa Thiên - Huế	26	0	26	23	23	0	88%	3
58	Tiền Giang	1	0	1	1	1	0	100%	0
59	Trà Vinh	6	0	6	6	6	0	100%	0
60	Tuyên Quang	8	0	8	6	6	0	75%	2
61	Vĩnh Long	10	0	10	10	10	0	100%	0
62	Vĩnh Phúc	17	0	17	15	15	0	88%	2
63	Yên Bái	2	0	2	1	1	0	50%	1

Phụ lục XII

KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA DOANH NGHIỆP THEO YÊU CẦU
TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 97/NQ-CP NGÀY 08/7/2023 CỦA CHÍNH PHỦ

THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: ~~754~~ 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành	Tổng số ĐX, KN phải xử lý	Số ĐX, KN đã xem xét, xử lý			Số ĐX, KN đang còn tiếp tục xử lý
			Trong tháng 9/2023	Từ tháng 7 đến tháng 9/2023	Tỷ lệ % so với tổng số	
A	B	1	2 = (3+4)	5	6=(5/1) %	7 = (1-5)
	Tổng cộng:	401	153	213	53%	188
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	1	0	1	100%	0
2	Bộ Công an	18	18	18	100%	0
3	Bộ Công Thương	31	31	31	100%	0
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2	0	2	100%	0
5	Bộ Giao thông vận tải	37	37	37	100%	0
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	6	6	6	100%	0
7	Bộ Tài chính	79	54	79	100%	0
8	Bộ Thông tin và Truyền thông	8	0	8	100%	0
9	Bộ Tư pháp	1	0	1	100%	0
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển NT	7	6	6	86%	1
11	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	13	0	11	85%	2
12	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9	0	4	44%	5
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	30	1	9	30%	21
14	Bộ Lao động, Thương binh và XH	16	0	0	0%	16
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	17	0	0	0%	17
16	Bộ Xây dựng	47	0	0	0%	47
17	Bộ Y tế	79	0	0	0%	79

Phụ lục XIII

**TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 7 + 8 NĂM 2023 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số: 754/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
I	NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VỀ CẢI CÁCH, KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
1	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Xem xét, nghiên cứu sớm ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng chính phủ tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ.
II	NHÓM NỘI DUNG VỀ TRIỂN KHAI TẬP HUẤN CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CHO BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG		
1	Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường...; UBND các tỉnh: Bình Phước, Bình Dương, Gia Lai, Hưng Yên, Long An, Quảng Nam, Sóc Trăng, Tây Ninh, Đắk Lắk...	Đề nghị thường xuyên quan tâm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và giúp đỡ, hỗ trợ về nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho bộ, ngành, địa phương, nhất là tập huấn về việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện trên môi trường điện tử theo Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 và Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng chính phủ ghi nhận các ý kiến để tiếp tục trong thời gian tới tổ chức các hội nghị tập huấn nghiệp vụ về công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế 1 cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử... cho cán bộ, công chức của các bộ, ngành, địa phương. Dự kiến trong tháng 10/2023, Văn phòng Chính phủ sẽ triển khai 01 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho các bộ, ngành, địa phương sau khi được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ phê duyệt.
III	NHÓM NỘI DUNG VỀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC		
1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Đề nghị Văn phòng Chính phủ có văn bản hướng dẫn và làm rõ một số quy định có liên quan. Cụ thể như sau: 1. Về tiếp nhận hồ sơ TTHC a) Tại khoản 3 Điều 40 quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP có quy định: “3. Việc tiếp nhận các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Nghị định này; không thực hiện các quy định về tiếp nhận	(1) Về tiếp nhận hồ sơ TTHC: - Khoản 3 Điều 40 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/2018/NĐ-CP) về hiệu lực thi hành quy định: “Việc tiếp nhận các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến giải quyết tthc theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho tổ chức, cá nhân được thực hiện theo Nghị định này”.

văn bản đến tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư.”

Các Điều 13, 14, 15 Nghị định số 110/2004/NĐ-CP nêu trên quy định về việc tiếp nhận, đăng ký, trình, chuyển giao, giải quyết, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết văn bản đến. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định số 110/2004/NĐ-CP đã được thay thế bởi Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, tương ứng với các Điều 13, 14, 15 của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP là các Điều 21, 22, 23, 24 của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.

Do vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ cho biết việc tiếp nhận hồ sơ, giấy tờ liên quan đến giải quyết TTHC theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, không thực hiện các quy định về tiếp nhận văn bản đến tại các Điều 21, 22, 23, 24 của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP có đúng hay không.

b) Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định: “b) Tất cả văn bản đi, văn bản đến của cơ quan, tổ chức phải được quản lý tập trung tại Văn thư cơ quan để làm thủ tục tiếp nhận, đăng ký, trừ những loại văn bản được đăng ký riêng theo quy định của pháp luật”

Tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về đăng ký văn bản đến: “Việc đăng ký văn bản đến phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin cần thiết theo mẫu Sổ đăng ký văn bản đến hoặc theo thông tin đầu vào của dữ liệu quản lý văn bản đến. Những văn bản đến không được đăng ký tại Văn thư cơ quan thì đơn vị, cá nhân không có trách nhiệm giải quyết, trừ những loại văn bản đến được đăng ký riêng theo quy định của pháp luật”. Do vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ cho biết hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại Điều 16, 17 của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP có đúng là hồ sơ được đăng ký riêng theo quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC hay không.

- Điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2020/NĐ-CP*) quy định: “Tất cả văn bản đi, văn bản đến của cơ quan, tổ chức phải được quản lý tập trung tại Văn thư cơ quan để làm thủ tục tiếp nhận, đăng ký, trừ những loại văn bản được đăng ký riêng theo quy định của pháp luật”. Đồng thời, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP quy định: “Việc đăng ký văn bản đến phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin cần thiết theo mẫu Sổ đăng ký văn bản đến hoặc theo thông tin đầu vào của dữ liệu quản lý văn bản đến. Những văn bản đến không được đăng ký tại Văn thư cơ quan thì đơn vị, cá nhân không có trách nhiệm giải quyết, trừ những loại văn bản đến được đăng ký riêng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ các quy định trên, đề nghị Quý Bộ thực hiện việc tiếp nhận các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến giải quyết TTHC (*bao gồm cả hồ sơ, giấy tờ liên quan đến giải quyết các TTHC Bộ Kế hoạch và Đầu tư có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định và trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định*) tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

(2) Về giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP:

Đối với trường hợp hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, trong quá trình giải quyết nếu đơn vị chủ trì xử lý cần báo cáo Lãnh

c) Tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP quy định về phạm vi tiếp nhận TTHC tại Bộ phận Một cửa “a) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại bộ, cơ quan ngang bộ tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc liên thông giải quyết của các đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ;”. Do vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ cho biết đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ là đơn vị chủ trì thực hiện thẩm định hồ sơ thì có thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa hay không.

(2) Về giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP: Đối với trường hợp hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa, trong quá trình giải quyết nếu đơn vị chủ trì xử lý cần báo cáo Lãnh đạo Bộ phát hành văn bản lấy ý kiến thẩm định, thẩm tra của các bộ, cơ quan, UBND tỉnh, thành phố liên quan thì việc phát hành văn bản lấy ý kiến thẩm định thực hiện như thế nào theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 20 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

(3) Về trả kết quả giải quyết TTHC: Điểm c khoản 2 Điều 21a Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP quy định: “c) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình cấp có thẩm quyền ký số, phát hành theo quy định pháp luật về công tác văn thư để trả bản giấy và bản điện tử cho tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp thủ tục hành chính chỉ quy định cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị chỉ cung cấp bản kết quả giải quyết điện tử”. Do vậy, đề nghị Văn phòng Chính phủ làm rõ việc phát hành văn bản để trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo quy định này được hiểu theo cách nào sau đây:

đạo Bộ phát hành văn bản lấy ý kiến thẩm định, thẩm tra của các bộ, cơ quan, UBND tỉnh, thành phố liên quan thì việc phát hành văn bản được thực hiện theo quy định pháp luật về công tác văn thư.

(3) Về trả kết quả giải quyết TTHC:

Việc phát hành văn bản là kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21a Nghị định số 107/2021/NĐ-CP được thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư. Sau khi đóng dấu, phát hành văn bản đi, Văn thư cơ quan chuyên kết quả giải quyết TTHC sang Bộ phận Một cửa để trả cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP. Trường hợp kết quả giải quyết TTHC là báo cáo kết quả thẩm định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội xem xét ra quyết định phê duyệt chủ trương thì việc phát hành báo cáo thực hiện theo quy định pháp luật về công tác văn thư.

Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư cụ thể hóa trách nhiệm của Văn thư cơ quan và Bộ phận Một cửa Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quy chế hoạt động của Bộ phận Một cửa hoặc quy trình nội bộ giải quyết TTHC để bảo đảm quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa thông suốt, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với quy trình phát hành văn bản theo pháp luật về công tác văn thư, đề nghị lấy ý kiến Bộ Nội vụ.

		<p>(i) Việc phát hành văn bản trả kết quả giải quyết TTHC thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19 của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP.</p> <p>(ii) Việc phát hành văn bản theo quy định tại mục (i) nêu trên nhưng sau khi đóng dấu, phát hành văn bản đi, Văn thư cơ quan chuyển kết quả giải quyết TTHC sang Bộ phận Một cửa để trả cho cá nhân, tổ chức theo quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.</p> <p>(iii) Trường hợp kết quả giải quyết TTHC là báo cáo kết quả thẩm định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội xem xét ra quyết định phê duyệt chủ trương thì việc phát hành văn bản báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21a Nghị định số 61/2018/NĐ-CP như thế nào./.</p>	
2	UBND tỉnh Bình Thuận	Có hướng dẫn cụ thể việc tổng hợp và báo cáo số liệu đối với các TTHC liên thông (<i>liên thông 2 cấp, liên thông 3 cấp,...</i>).	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và sẽ nghiên cứu trong quá trình xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ.
3	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Có giải pháp cụ thể để hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện số hóa đối với các thành phần hồ sơ TTHC có dung lượng, kích thước lớn. Vì nội dung này liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá hàng năm về kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và sẽ nghiên cứu, đưa vào nội dung hướng dẫn tại Hội nghị tập huấn nghiệp vụ dự kiến được tổ chức trong Quý IV năm 2023.
IV	NHÓM NỘI DUNG VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC		
1	Bộ Quốc phòng	Đề nghị tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về TTHC nội bộ.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và sẽ nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền quy định về TTHC nội bộ sau khi tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
2	Bộ Tư pháp	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm liên quan đến TTHC nội bộ, để hoàn thành biểu mẫu rà soát điện tử theo Công văn số 6828/VPCP-KSTT ngày 12/10/2022 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2023.	Hiện tại, phần mềm liên quan đến TTHC nội bộ được Văn phòng Chính phủ xây dựng và đang kiểm thử. Văn phòng Chính phủ tiếp thu kiến nghị của Quý Bộ và sớm đưa phần mềm vào sử dụng.

V NHÓM NỘI DUNG VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO			
1	Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp; UBND các tỉnh: An Giang, Điện Biên, Nghệ An, Long An, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Tiền Giang,...	<p>Đề nghị nghiên cứu, rà soát giảm tải các chế độ báo cáo về kiểm soát, cải cách TTHC theo hướng vừa đảm bảo thực hiện yêu cầu về báo cáo của Thủ tướng Chính phủ, vừa giảm bớt tần suất và hạn chế sự chồng chéo trong việc thực hiện công tác báo cáo theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo; đồng thời, sớm triển khai thực hiện chế độ Báo cáo tháng, báo cáo Nghị quyết 131/NQ-CP trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để tiết kiệm thời gian trong quá trình xây dựng, gửi báo cáo theo yêu cầu.</p> <p>Đối với thông tin về kết quả thẩm định tại mục I.1.1 đề cương báo cáo, đề nghị bỏ yêu cầu báo cáo “Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bài bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa... TTHC (nêu rõ tên TTHC và dự thảo văn bản)” vì không phù hợp, khả thi. Trường hợp cần các thông tin này, đề nghị thay đổi theo hướng thể hiện rõ trách nhiệm báo cáo nội dung này thuộc về cơ quan chủ trì soạn thảo, không phải cơ quan thẩm định.</p>	Văn phòng Chính phủ tiếp thu, nghiên cứu, lồng ghép các chế độ báo cáo tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020; đồng thời, triển khai các báo cáo điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ, để bảo đảm thuận lợi cho các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện.
2	Bộ Quốc phòng	Đề nghị sửa mẫu Báo cáo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP để phù hợp với các phân loại dịch vụ công theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu, nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020.
3	UBND tỉnh Bình Phước	Đề nghị rà soát, nâng cấp phần mềm Hệ thống quản lý theo dõi điều hành, chỉ đạo để thuận tiện, dễ dàng, chính xác trong khai thác và phối hợp xác nhận nhiệm vụ hoàn thành; đồng thời, kết nối chia sẻ với phân hệ theo dõi điều hành, chỉ đạo của UBND tỉnh sẽ được triển khai trong thời gian tới.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và hoàn thiện nâng cấp Hệ thống trong thời gian tới.

VI	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	UBND các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Đà Nẵng, Bình Thuận, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Lào Cai, Quảng Trị, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Đồng Tháp,...	<p>Đề nghị nghiên cứu, nâng cấp Công Dịch vụ công quốc gia để đáp ứng nhu cầu người dùng. Trong đó, chú trọng nâng cấp, bổ sung các chức năng: chức năng thanh toán trực tuyến; bổ sung thêm công cụ lọc thời gian theo ngày (<i>lọc tìm/kiểm các chỉ tiêu từ ngày đến ngày</i>); điều chỉnh lại thời gian cập nhật dữ liệu theo ngày đối với kết quả đánh giá tại Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; chức năng trích xuất số liệu thực hiện dịch vụ công chứng thực điện tử từ bản chính và chức năng thu phí, lệ phí; chức năng xem báo cáo chi tiết về tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến và tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến cho cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã trên bản đồ thể chế. Cho phép kết nối API để đồng bộ số liệu tự động của hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến và TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến của cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã từ trang quản trị của Cổng; chức năng thay đổi phí, thêm phí, trạng thái thanh toán cũng như chức năng in biên lai,...</p>	<p>Văn phòng Chính phủ tiếp thu ý kiến đề xuất, kiến nghị của các địa phương và sẽ nghiên cứu, nâng cấp, hoàn thiện các chức năng của Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới nhằm bảo đảm sự ổn định, thông suốt của hệ thống, nâng cao chất lượng hoạt động và phục vụ người dân, doanh nghiệp.</p>
2	UBND các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Bình Thuận,...	<p>Đề nghị kịp thời xử lý, khắc phục triệt để các lỗi phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia; thực hiện đồng bộ hóa thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công địa phương để hạn chế những bất cập trong thanh toán, nhất là thanh toán trên Momo.</p> <p>Đồng thời, hỗ trợ nhanh chóng cho các địa phương khi gặp lỗi về thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, dùng cung cấp dịch vụ thanh toán đối với các đơn vị trung gian thanh toán có tỷ lệ giao dịch thất bại quá 5% tổng số giao dịch.</p>	<p>Văn phòng Chính phủ thường xuyên hợp với các ngân hàng, Trung gian thanh toán để xem xét, xử lý và khắc phục các lỗi khi thực hiện thanh toán phí, lệ phí trên Cổng DVCQG, đồng thời, Cổng DVCQG đã đăng tải danh sách đầu mối liên hệ của các NH, TGTT tại mục "<i>Danh mục Hotline, liên hệ, phí/lệ phí</i>" trên trang Quantri.congdichvucong.gov.vn để liên hệ xử lý lỗi thường gặp khi phát sinh giao dịch.</p> <p>Đối với hỗ trợ địa phương khi gặp lỗi về thanh toán trực tuyến, hiện nay, Văn phòng Chính phủ cũng đã thực hiện nhiều giải pháp để thực hiện như lập nhóm trao đổi trên mạng xã hội, công khai đầu mối hỗ trợ của NH, TGTT, trong thời gian tới, VPCP sẽ tiếp tục nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.</p>

3	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Nghiên cứu bổ sung thêm một số ngân hàng được người dân thường xuyên sử dụng dịch vụ tham gia thực hiện việc thanh toán trực tuyến qua Cổng DVCQG; đồng thời, yêu cầu các ngân hàng, đơn vị tài chính thực hiện tạo mã QR cho các giao dịch thanh toán trực tuyến nhằm tạo điều kiện cho người dân thực hiện.	Hiện nay, Cổng DVCQG đang có 08 ngân hàng (Vietcombank, Agribank, BIDV, Viettinbank,...) và 8 trung gian thanh toán tham gia cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng, trong đó thông qua Cổng thanh toán quốc gia (NAPAS) và các TGTĐ đã kết nối với Cổng, người dùng có thể thanh toán qua tài khoản của bất kỳ ngân hàng nào, kể cả các ngân hàng chưa kết nối với Cổng. Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến đóng góp của địa phương và sẽ tiếp tục nghiên cứu để nâng cấp chất lượng dịch vụ TTTT trên Cổng.
4	UBND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Bình,...	Hướng dẫn việc kết nối đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố Hải Phòng với Cổng DVCQG để đáp ứng được yêu cầu của Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp DVC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Hiện tại, trên Cổng DVCQG đã đăng tải đầy đủ các tài liệu hướng dẫn có liên quan; đồng thời, Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của địa phương và sẽ triển khai hướng dẫn đối với nội dung này tại Hội nghị tập huấn nghiệp vụ dự kiến tổ chức trong tháng 10/2023 sau khi kế hoạch tập huấn được phê duyệt.
5	UBND các tỉnh: Bình Thuận, Hà Nam, Thanh Hóa, Khánh Hòa,...	Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với các Bộ, ngành để hướng dẫn địa phương kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Hệ thống thông tin của Kho bạc Nhà nước, Thuế để thực hiện thanh toán trực tuyến dịch vụ công theo quy định; phối hợp Bộ Tư pháp có giải pháp nâng cấp hệ thống phần mềm Cổng Dịch vụ công quốc gia và phần mềm Hệ thống quản lý lịch tư pháp dùng chung.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến của các địa phương và sẽ phối hợp với bộ, ngành trong kết nối, liên thông, tích hợp các thông tin của công dân giữa các hệ thống thông tin.
6	UBND các tỉnh: Bình Dương, Quảng Bình, Quảng Trị,...	Kiến nghị phân quyền tài khoản để địa phương có thể xem chi tiết điểm và danh sách các hồ sơ, TTHC được tính điểm và hiển thị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật cho phép chuyển giao dịch vụ “Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” đang thực hiện trên Cổng DVC quốc gia về Cổng DVC/ Hệ thống MCĐT tỉnh; cho phép địa phương trích xuất số liệu đối với các TTHC chưa được tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên bản đồ thẻ chế để thuận tiện theo dõi và hoàn thành việc tích hợp nhằm phục vụ tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu ý kiến đề xuất, kiến nghị của các địa phương và sẽ nghiên cứu trong hoàn thiện trong quá trình nâng cấp các chức năng của Cổng Dịch vụ công quốc gia.

VII	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	UBND các tỉnh: Bình Thuận, Lào Cai, Quảng Nam,...	Hướng dẫn việc thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến đề xuất của các địa phương và sẽ triển khai hướng dẫn đối với nội dung này tại Hội nghị tập huấn nghiệp vụ dự kiến tổ chức trong tháng 10/2023 sau khi kế hoạch tập huấn được phê duyệt.
2	UBND các tỉnh: Hà Tĩnh, Hải Dương, Khánh Hòa, Lào Cai, Quảng Trị,...	Nghiên cứu hoàn thiện và bổ sung các chức năng Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG; cho phép địa phương thống kê, kiểm tra tình trạng tất cả hồ sơ đã đồng bộ lên Cổng DVCQG (<i>bao gồm hồ sơ đã xử lý trễ hạn và đang xử lý trễ hạn</i>).	Hiện nay, Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp đang thực hiện nâng cấp phần mềm nhằm đáp ứng được những yêu cầu trong việc phân tích dữ liệu lớn, Văn phòng Chính phủ ghi nhận kiến nghị của địa phương và sẽ sớm hoàn thiện việc cập nhật, nâng cấp phần mềm.
3	UBND tỉnh Cà Mau	Xem xét, bỏ kích hoạt 02 đơn vị hành chính của tỉnh Cà Mau không thuộc đối tượng triển khai cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử sao từ bản chính theo Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cụ thể: Trung tâm Văn hóa, Thể thao thuộc UBND huyện Ngọc Hiển - tỉnh Cà Mau và Trung tâm Văn hóa, Thể thao thuộc UBND huyện U Minh - tỉnh Cà Mau.	Việc cập nhật danh mục cơ quan trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thuộc trách nhiệm của địa phương (<i>Điều 15 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia</i>). Đề nghị tỉnh rà soát, cập nhật lại danh mục đối với 02 đơn vị hành chính của tỉnh.
4	UBND các tỉnh: Bắc Giang, Lào Cai,...	Đề nghị kiểm tra, giải quyết triệt để các tồn tại, bất cập và vướng mắc trong triển khai Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng DVCQG.	Văn phòng Chính phủ ghi nhận ý kiến đề xuất của các địa phương và sẽ nghiên cứu trong quá trình hoàn thiện, nâng cấp Cổng DVCQG.
5	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử thì chỉ ghi nhận kết quả thanh toán trực tuyến qua Cổng DVC quốc gia, còn đối với hình thức thanh toán trực tuyến quét mã QR-Code (internet banking) thì không được ghi nhận trong khi đây là hình thức đơn giản, dễ thực hiện. Vì vậy,	Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP đã hướng dẫn cụ thể trình tự thực hiện đối với trường hợp nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử, bao gồm: nộp qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế; nộp qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; nộp qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Đồng thời, theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, việc thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua chức năng thanh toán trực

		kính đề nghị VPCP xem xét, đánh giá, ghi nhận thêm hình thức này đối với địa phương.	tuyên trên Công dịch vụ công quốc gia hoặc Công dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh. Do đó, việc thanh toán không dùng tiền mặt (chuyên khoản) không đáp ứng quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và 45/2020/NĐ-CP và không được ghi nhận để đánh giá kết quả thực hiện theo Bộ Chỉ số 766.
VIII	NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA		
1	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị có giải pháp xử lý kịp thời các tồn tại liên quan đến cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia (https://csdl.dichvucong.gov.vn), như: Cho phép địa phương tự bãi bỏ thủ tục hành chính địa phương hóa; bãi bỏ Quyết định đã hết hiệu lực,...	Việc cập nhật, công khai TTHC thực hiện theo quy định tại Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia. Đề nghị địa phương cung cấp thông tin cụ thể về khó khăn, vướng mắc hoặc trao đổi trực tiếp với Văn phòng Chính phủ trong quá trình thực hiện. Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, xin liên hệ trực tiếp với Đồng chí Nguyễn Lợi Quốc Khánh, Chuyên viên Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ; số điện thoại: 080.40530 hoặc 0914 680 395; thư điện tử: nguyenloiquockhanh@thutuchanhchinh.vn .
2	UBND tỉnh Lào Cai	Đề nghị Văn phòng Chính phủ nghiên cứu, bổ sung chức năng xem các TTHC công bố, cập nhật công khai không đúng hạn để địa phương khắc phục, cải thiện chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Văn phòng Chính phủ đang triển khai bổ sung giải pháp kỹ thuật trích xuất Danh mục các TTHC không đúng hạn trên Bản đồ thực thi thẻ chế. Tuy nhiên, địa phương cần chủ động theo dõi thông qua chức năng quản lý Danh mục TTHC tại CSDLQG về TTHC.
3	UBND tỉnh Tây Ninh	(1) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, kiến nghị Văn phòng Chính phủ nghiên cứu quy định các mã TTHC riêng cho Ban quản lý. (2) Trong quá trình kiểm soát các phiên bản TTHC cũ đã công khai lên Công Dịch vụ công quốc gia nay đã hết hiệu lực thì hành hoặc bị công khai dư (gọi là TTHC rác), cụ thể có 132 TTHC (danh sách kèm theo). Kiến nghị Văn phòng Chính phủ sớm xóa giúp địa phương các phiên bản TTHC cũ này để địa phương thực hiện việc kiểm soát TTHC được tốt hơn.	(1) Việc ban hành mã cơ quan, đơn vị do UBND cấp tỉnh chủ động thực hiện theo Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương. (2) Văn phòng Chính phủ tiếp thu và đã hỗ trợ địa phương xóa các TTHC rác.

4.	UBND tỉnh Tây Ninh	Nghiên cứu, phối hợp cùng Bộ Nội vụ xem xét một số TTHC của ngành Nội vụ nêu ở phần khó khăn có thể chuyển qua thành TTHC nội bộ để giúp cho công tác cải cách và kiểm soát TTHC của ngành Nội vụ địa phương được thuận lợi hơn.	Các thủ tục hành chính được nêu đang được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đề nghị UBND tỉnh Tây Ninh giữ nguyên và thực hiện việc kiểm soát theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.
5	UBND tỉnh Ninh Bình	Hiện tại tỉnh Ninh Bình đang thực hiện việc theo dõi việc giải quyết hồ sơ của một số cơ quan ngành dọc (<i>Công an, Bảo hiểm xã hội, Điện lực</i>) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, tuy nhiên TTHC của các cơ quan ngành dọc Trung ương không giao cho địa phương thực hiện công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, do đó hồ sơ phát sinh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh không thực hiện đồng bộ được trên Công Dịch vụ công quốc gia. Để thuận lợi cho địa phương trong quá trình thực hiện việc đồng bộ 100 % kết quả giải quyết TTHC lên Công Dịch vụ công quốc gia, đề nghị Văn phòng Chính phủ có văn bản hướng dẫn việc triển khai thực hiện.	Theo quy định của các cơ quan ngành dọc (<i>Công an, Bảo hiểm, ...</i>) hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện trên Hệ thống giải quyết TTHC tập trung toàn ngành (<i>không thực hiện trên hệ thống của tỉnh</i>). Hiện nay các cơ quan này và 1 số Bộ, cơ quan triển khai Hệ thống GQTTHC tập trung trên toàn quốc đã chia sẻ dữ liệu thống kê tình hình giải quyết hồ sơ với Công DVC quốc gia (như Bộ KHĐT, Bộ GTVT,...), do đó các địa phương không cần đồng bộ lại những hồ sơ này.
6	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hỗ trợ kịp thời khó khăn vướng mắc trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đối với các nội dung đề nghị hỗ trợ, hướng dẫn xử lý vấn đề phát sinh, vướng mắc.	Văn phòng Chính phủ thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn bộ, cơ quan, địa phương xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, xin liên hệ trực tiếp với Đồng chí Nguyễn Lợi Quốc Khánh, Chuyên viên Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ; số điện thoại: 080.40530 hoặc 0914 680 395; thư điện tử: nguyenloiquockhanh@thutuchanhchinh.vn .
IX NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA			
1	UBND Thành phố Cần Thơ	Xây dựng mẫu báo cáo thống kê số liệu trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia phù hợp với Biểu số IL.05b/VPCP-KSTT ban hành kèm Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để địa phương xuất dữ liệu tổng hợp phục vụ cho các kỳ báo cáo.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và sẽ hoàn thiện bổ sung Hệ thống trong thời gian tới.

2	UBND tỉnh Gia Lai	Kiểm tra nội dung phản ánh, kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<i>địa chỉ: https://pakn.dichvucong.gov.vn</i>) trước khi gửi địa phương xử lý vì nhiều phản ánh, kiến nghị không có file đính kèm trên hệ thống, không có đầy đủ thông tin để xử lý, trùng nội dung phản ánh, kiến nghị do đó địa phương mất nhiều thời gian trong việc kiểm tra, rà soát thông tin.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu.
X. NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI 02 NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG			
1	UBND tỉnh Tiền Giang	Đề nghị xem xét, hướng dẫn việc thực hiện liên thông 02 nhóm TTHC: Đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú - trợ cấp mai táng phí đối với các trường hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.	Ngày 26/6/2023, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp với các Bộ, cơ quan: Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp, Y tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tổ chức tập huấn nghiệp vụ triển khai 02 nhóm TTHC liên thông; đồng thời, gửi tài liệu hướng dẫn việc thực hiện liên thông đến 63 tỉnh, thành phố. Đề nghị địa phương trong quá trình triển khai 02 nhóm TTHC liên thông, nếu có khó khăn, vướng mắc về phần mềm DVC liên thông liên hệ với C06, Bộ Công an, về phần mềm nghiệp vụ liên hệ với các bộ, cơ quan liên quan.
2	UBND các tỉnh: Bình Định, Đồng Nai.	Đề nghị Văn phòng Chính phủ phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện, điều chỉnh bổ sung phần mềm DVC liên thông và các phần mềm chuyên ngành để triển khai liên thông 2 nhóm TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đồng thời, khắc phục một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đối với nhóm dịch vụ công liên thông “Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi”.	Văn phòng Chính phủ tiếp thu và đã báo cáo Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan liên quan trong việc khẩn trương nâng cấp khắc phục các tồn tại của phần mềm DVC liên thông, các phần mềm chuyên ngành của từng cơ quan bảo đảm kết nối thông suốt, hiệu quả với phần mềm DVC liên thông (<i>Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 10/9/2023 của Chính phủ</i>).

Phụ lục XIV

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THÁNG 7+ 8 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 7541/BC-VPCP ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Bộ, cơ quan chủ trì trả lời đề xuất, kiến nghị
1	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	<p>Tiếp tục phối hợp với BHXH Việt Nam chỉ đạo triển khai rà soát, cập nhật, xác thực thông tin số định danh cá nhân/căn cước công dân của người tham gia BHXH, BHYT, BHTN với CSDL quốc gia về dân cư; kiểm tra, rà soát dữ liệu hộ gia đình đảm bảo thông tin chủ hộ do hệ thống của BHXH Việt Nam gửi sang được xác thực đúng 100% với CSDL quốc gia về dân cư; chia sẻ thông tin công dân đang hưởng các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp đi định cư ở nước ngoài, xuất cảnh trái phép, bị tuyên bố mất tích để phục vụ giải quyết các chế độ BHXH, BHTN cho người lao động theo quy định của Luật BHXH; hỗ trợ BHXH Việt Nam trong việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng.</p>	Bộ Công an
		<p>(1) Ban hành quy định về việc xác thực căn cước công dân gắn chip khi đi khám, chữa bệnh (KCB) tại các cơ sở KCB BHYT để đảm bảo triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 276/TB-VPCP ngày 05/9/2022, trong đó có nội dung “Bộ Công an phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai các công nghệ xác thực sinh trắc dựa trên thông tin sinh trắc trên thẻ căn cước công dân gắn chip và trên CSDL quốc gia về Dân cư để hạn chế và ngăn chặn trục lợi khi đóng, hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN”.</p> <p>(2) Ban hành hướng dẫn, quy định về việc liên thông dữ liệu từ cơ sở KCB theo Quyết định số 3074/QĐ-BYT ngày 11/11/2022 của Bộ Y tế tạo cơ sở cho việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên VNeID.</p> <p>(3) Chủ trì phối hợp với BHXH Việt Nam, Bộ Công an sớm rà soát các công việc liên quan, đôn đốc các cơ sở KCB (bao gồm cả nhóm cơ sở KCB BHYT và cơ sở KCB dịch vụ) thực hiện liên thông 100% dữ liệu KCB, dữ liệu Giấy khám sức khỏe, dữ liệu Giấy chứng sinh, dữ liệu Giấy báo tử có ký số, đảm bảo đúng quy định và thực hiện việc gửi dữ liệu ngay khi cấp, tránh tình trạng gửi chậm, muộn.</p>	Bộ Y tế
2	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và UBND tỉnh Nghệ An.	Kiến nghị Bộ Chia sẻ dữ liệu người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp để đối soát khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến đóng BHXH tự nguyện, đóng BHYT đối với người chỉ tham gia BHYT.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3	Bộ Quốc phòng	Hướng dẫn về thẩm quyền, hình thức, trình tự xây dựng, ban hành văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung Thông tư liên	Bộ Tư pháp

		tịch để thực thi các phương án đơn giản hóa tại Nghị quyết đơn giản hóa giấy tờ công dân.	
		Đề nghị hoàn thành việc kết nối với Cổng thông tin 1 cửa quốc gia đối với thủ tục Biên phòng điện tử cửa khẩu biên giới đất liền đối với người điều khiển, người đi trên phương tiện, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh.	Bộ Tài chính
4	Bộ Tài chính	Đề nâng cao hiệu quả, chất lượng trong công tác đánh giá tác động thủ tục hành chính trong đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác này cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL tại bộ, ngành, địa phương.	Bộ Tư pháp
5	UBND các tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Cà Mau, Kon Tum.	Đề nghị Bộ Nội vụ quan tâm xem xét hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp để địa phương có cơ sở thực hiện đảm bảo chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã để khuyến khích, tạo động lực cho đội ngũ công chức này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	Bộ Nội vụ
6	UBND các tỉnh: An Giang, Đắk Lắk.	Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét điều chỉnh từ “ngày” thành cụm từ “ngày làm việc” trong các quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; đồng thời, hướng dẫn để tránh cách hiểu “chưa thống nhất” giữa các cơ quan và phù hợp với thực tiễn. Hiện tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước làm việc	Bộ Xây dựng
		một tuần có 05 ngày (nghỉ thứ bảy, chủ nhật), gặp khó khăn khi tính thời gian giải quyết TTHC và việc đồng bộ trên hệ thống dịch vụ công quốc gia (tính ngày) và hệ thống dịch vụ công của tỉnh (tính ngày làm việc). Do đó đề nghị nên thống nhất thời gian giải quyết thủ tục hành chính là ngày làm việc, để việc đồng bộ kết quả giải quyết TTHC từ Cổng dịch vụ Công Quốc gia và Cổng dịch vụ công tỉnh đảm bảo chính xác số liệu đã thực hiện, phù hợp Luật lao động năm 2019.	
7	UBND các tỉnh: Kon Tum và Quảng Nam	Đề nghị Bộ phối hợp với Bộ ngành liên quan sớm có hướng dẫn nội dung chỉ cho hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, giấy tờ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” để địa phương thực hiện.	Bộ Thông tin và Truyền thông

8	UBND Thành phố Cần Thơ	<p>Bộ có tài liệu hướng dẫn cụ thể trường dữ liệu nào bắt buộc, trường dữ liệu nào không bắt buộc cho từng TTHC cụ thể; cho phép đồng bộ hồ sơ lĩnh vực hộ tịch cấp huyện; nâng cấp hệ thống đáp ứng nhu cầu kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu tránh trường hợp bị quá tải; bổ sung chức năng cho phép thực hiện ký số kết quả giải quyết hồ sơ trên Hệ thống Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung theo quy định Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2020 của Chính phủ; bổ sung chức năng cho phép chia sẻ kết quả giải quyết hồ sơ (đối với hồ sơ mới phát sinh) trên Hệ thống Đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung với hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Cần Thơ.</p>	Bộ Tư pháp
		<p>Đề nghị kiểm tra, điều chỉnh thời hạn giải quyết TTHC đối với 03 TTHC thuộc lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân trên Công Dịch vụ công quốc gia theo đúng trình tự thực hiện được quy định tại Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để tránh tình trạng các hồ sơ bị ghi nhận xử lý quá hạn cho địa phương.</p>	Bộ Khoa học và Công nghệ
		<p>Đề nghị rà soát, kiểm tra, điều chỉnh thời hạn giải quyết TTHC “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện” trên Công Dịch vụ công quốc gia theo đúng trình tự thực hiện được quy định tại Quyết định công bố TTHC.</p>	Bộ Công Thương
		<p>Đề nghị Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin - Ban Cơ yếu Chính phủ hỗ trợ khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong việc đề nghị cấp, gia hạn và sử dụng chứng thư số nhằm tạo thuận lợi địa phương thực hiện các công việc, giao dịch liên quan đến ký số.</p>	Ban Cơ yếu Chính phủ
9	UBND Thành phố Đà Nẵng	<p>Đề nghị Bộ rà soát phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin ViLIS có sự hỗ trợ đối với địa phương trong việc đồng bộ tiếp nhận hồ sơ bằng phần mềm. Một cửa điện tử tích hợp phần mềm ViLIS 2.0 nhằm hạn chế các lỗi về kỹ thuật đường truyền và việc chưa đồng nhất dữ liệu.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường
		<p>Đề nghị Bộ nghiên cứu, có phương án chuẩn hóa, tích hợp về Công Dịch vụ công quốc gia để thống nhất một Cổng tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC trực tuyến của tổ chức, công dân; bổ sung chức năng số hóa hồ sơ trên các phần mềm chuyên ngành của Bộ, đồng thời hướng dẫn thực hiện số hóa đối với kết quả giải quyết TTHC có hình dạng, kích thước đặc thù.</p>	Bộ Giao thông vận tải
10	UBND tỉnh Thanh Hóa	<p>(1) Nghiên cứu, hoàn thiện phần mềm liên thông nhóm dịch vụ công khai sinh, khai tử cho phép được yêu cầu bổ sung và hoàn thiện lại hồ sơ tránh việc trả lại hồ sơ và làm lại theo hình thức trực tiếp đối với trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ; bổ sung thêm các đối tượng được hưởng mai táng phí trên phần mềm liên thông.</p>	Bộ Công an

		(2) Xem xét tích hợp thêm trường thông tin cấp bản sao trích lục khai sinh cho trẻ trong thủ tục liên thông khai sinh. Do đó, đề nghị nghiên cứu, thiết kế liên thông các phần mềm chuyên ngành với phần mềm một cửa.		
11	UBND tỉnh Đồng Nai	<p>Để triển khai liên thông 2 nhóm thủ tục hành chính liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<i>Phần mềm liên thông 2 nhóm TTHC</i>), kiến nghị Bộ Công an phối hợp với Văn phòng Chính phủ:</p> <p>(1) Về giao diện: điều chỉnh giao diện Cổng dịch vụ công quốc gia đối với 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông sử dụng phông chữ to hơn, ghi đơn giản để người dân hiểu; các trường thông tin sau khi được điền đầy đủ thì để chữ in đậm; có cảnh báo (để nhận thấy) đối với những trường thông tin bắt buộc nhưng còn bỏ trống thông tin.</p> <p>(2) Về thủ tục hành chính: ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính đối với 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông (hiện nay trên Cổng dịch vụ công quốc gia đang còn cung cấp các mã thủ tục liên thông khai sinh, khai tử theo quyết định công bố trước đây dễ gây nhầm lẫn cho người dân khi lựa chọn thủ tục để thực hiện).</p> <p>(3) Về chức năng theo dõi, thống kê: phân quyền cho địa phương để thống kê, quản lý, theo dõi tiến độ hồ sơ liên thông trên Cổng DVC Quốc gia (<i>hiện nay mỗi ngành tiếp nhận xử lý trên phần mềm của Bộ và không có sự liên kết dẫn đến không thể thống kê hồ sơ thực hiện hết quy trình liên thông hay không cũng như tra cứu hồ sơ đang thực hiện tại đơn vị nào</i>).</p> <p>(4) Về Biểu mẫu kê khai: kiến nghị Bộ Công an nghiên cứu giảm bớt hoặc bỏ không cần phải ký giống tờ khai đăng ký khai sinh, đăng ký cấp thẻ bảo hiểm xã hội trên Biểu mẫu tờ khai CT01 để hỗ trợ cho người dân khi thực hiện thủ tục.</p>	Bộ Công an	
12	UBND tỉnh Hà Tĩnh	Kiến nghị sớm ban hành Quyết định công bố về liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề Khám, chữa bệnh/cấp chứng chỉ hành nghề Dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC Quốc gia năm 2022.	Bộ Y tế	
		Kiến nghị kịp thời công bố các TTHC sửa đổi bổ sung được quy định tại các Thông tư: số 15/2023/TT-BKHCN ngày 26/7/2023; số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	
		Kiến nghị Bộ sớm ban hành các Thông tư (đã lấy ý kiến góp ý), các Văn bản QPPL liên quan đến thẩm quyền phân cấp giải quyết TTHC để triển khai thực hiện theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 1085/QĐ-TTg.	Bộ Giao thông vận tải	
13	UBND tỉnh An Giang	Xem xét, cập nhật thêm file điện tử kịp thời ngay khi có Quyết định công bố TTHC mới tạo điều kiện thuận lợi	Bộ Tài chính	

		trong việc cập nhật đầy đủ, kịp thời căn cứ pháp lý làm cơ sở để công bố danh mục TTHC áp dụng tại địa phương đúng thời gian quy định.	
14	UBND tỉnh Hải Dương	Đề nghị Bộ xem xét, chỉnh sửa thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia từ "ngày" sang "ngày làm việc" đảm bảo đúng quy định tại điểm 4, khoản 40 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.	Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	UBND tỉnh Bắc Giang	Đề nghị sớm công bố bổ sung TTHC tại Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.	Bộ Công an
16	UBND tỉnh Cao Bằng	Đề nghị Bộ xem xét TTHC lĩnh vực đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức: "Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản" (mã 1.008423). Tại QĐ số 40/QĐ-BKHĐT ngày 14/01/2022 công bố TTHC quy định thời hạn giải quyết xong chưa bao gồm thời hạn thẩm định của cơ quan có thẩm quyền theo Luật Đầu tư, NĐ 114/2021 gây khó khăn cho địa phương khi xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
17	UBND tỉnh Đắk Lắk	Xem xét việc liên thông dữ liệu giữa Hệ thống iGate với phần mềm nghiệp vụ của Bộ Tư pháp được ổn định, đảm bảo kết nối. Đề nghị khắc phục lỗi Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung (lỗi quá tải, không vào được hệ thống, tự động đăng xuất...), đảm bảo việc liên thông, kết nối dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (iGate) với phần mềm nghiệp vụ của Bộ Tư pháp được ổn định.	Bộ Tư pháp
18	UBND tỉnh Hòa Bình	Đề nghị hỗ trợ, hướng dẫn địa phương thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp thông qua chức năng tích hợp giữa 02 Hệ thống. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo đơn vị chức năng phối hợp Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hòa Bình kiểm tra, khắc phục tình trạng không đồng bộ giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ tư pháp.	Bộ Tư pháp
19	UBND tỉnh Tây Ninh	(1) Hiện nay, ngành Nội vụ có nhiều TTHC công bố nhưng không phát sinh hồ sơ. Việc công bố các TTHC này theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoặc chuyển sang quy trình nội bộ gây lãng phí thời gian, chi phí công bố TTHC là không phù hợp với mục tiêu của cải cách hành chính nói chung và cải cách TTHC nói riêng. Do đó, kiến nghị Bộ Nội vụ bãi bỏ hoặc cho phép địa phương không công bố những loại TTHC mà địa phương không phát sinh (căn cứ vào tình hình thực tế hồ sơ của từng địa phương). (2) Đối với những TTHC mà cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết là các sở, ngành tỉnh (Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội), kiến nghị Bộ Nội vụ bãi bỏ, không công bố trong bộ TTHC của ngành nội vụ. Thủ tục này, các	Bộ Nội vụ

		<p>cơ quan sẽ thực hiện theo quy trình văn bản hành chính thông thường.</p> <p>(3) Đối với thủ tục thi tuyển viên chức; thủ tục xét tuyển viên chức; do UBND tỉnh Tây Ninh đã phân cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện, Sở Nội vụ chỉ thực hiện phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức và công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Do đó, các TTHC này không thể đưa vào danh mục TTHC của ngành nội vụ, kiến nghị Bộ Nội vụ bãi bỏ để thực hiện theo quy trình văn bản hành chính thông thường. Trường hợp không bãi bỏ thì chuyển sang TTHC nội bộ và tách thành: Thủ tục phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức, thủ tục công nhận kết quả tuyển dụng viên chức.</p>		
20	UBND tỉnh Bình Định	Kính đề nghị Bộ VH, TT và Du lịch công khai trường "Phí" (thay vì công khai là "Lệ phí") hoặc ngược lại đối với thủ tục Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (mã số 1.004614) theo quy định tại Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (có Phụ lục 4 kèm theo).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
21	UBND tỉnh Bình Thuận	Đề nghị hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện đồng bộ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ của phần mềm do Bộ triển khai với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
		Đề nghị Bộ hướng dẫn cụ thể để địa phương biết triển khai thực hiện khi địa phương áp dụng giảm 50% lệ phí đăng ký hộ tịch trực tuyến theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành thì sẽ thực hiện trên các hệ thống của Bộ ngành Trung ương hay thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.	Bộ Tư pháp	
22	UBND tỉnh Kon Tum	(1) Đề nghị ban hành Quyết định công bố TTHC đã được thay đổi, bổ sung biểu mẫu và các nội dung liên quan tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong đó, đề nghị quy định, hướng dẫn rõ việc nộp phí, lệ phí khi tổ chức cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh. Lý do, hiện nay Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết giảm phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh đối với lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Đồng thời tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống của Cục Đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://dangkykinhdoanh.gov.vn) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh có mã số và tên TTHC theo CSDL quốc gia về TTHC; để đảm bảo việc tổng hợp thông kê số liệu; có mã số hồ sơ và định danh điện tử khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ; tổ chức, cá	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	

		<p>nhân nộp hồ sơ chưa có tài khoản định danh điện tử theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>(2) Đề nghị hướng dẫn cụ thể để địa phương biết triển khai thực hiện khi địa phương áp dụng giảm 50% lệ phí đăng ký kinh doanh trực tuyến theo Nghị quyết của Hội đồng nhân tỉnh, tỉnh đã ban hành thì sẽ thực hiện trên các hệ thống của Bộ ngành hay thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.</p>	
		<p>Đề nghị Bộ tích hợp, chia sẻ dữ liệu các hệ thống của Bộ (https://qlvt.mt.gov.vn, http://qlvt1.mt.gov.vn, https://dvc4.gplx.gov.vn/) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để đảm bảo việc tổng hợp thông kê số liệu; có mã số hồ sơ; có định danh điện tử khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP; tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ chưa có tài khoản định danh điện tử theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP của Chính phủ.</p>	Bộ Giao thông vận tải
23	UBND tỉnh Nghệ An	<p>Trang tra cứu thông tin tạm giữ giấy phép lái xe (GPLX) của Cục Cảnh sát giao thông nhiều khi còn xảy ra lỗi mạng, việc gỡ bỏ cảnh báo tạm giữ GPLX chưa kịp thời... dẫn đến một số trường hợp khi làm thủ tục cấp đổi GPLX trên Cổng dịch vụ công không thực hiện được.</p>	Bộ Công an
		<p>Hệ thống các phần mềm chuyên ngành (hộ tịch, lý lịch tư pháp) của Bộ Tư pháp mặc dù đã được kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tuy nhiên chưa đảm bảo. Việc đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch nhiều lúc còn chậm, một số trường hợp không đồng bộ sang phần mềm chuyên ngành hộ tịch; việc đồng bộ, liên thông giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Hệ thống quản lý lý lịch tư pháp qua nhiều lần thử nghiệm, nhưng đến nay vẫn chưa đưa vào sử dụng được dẫn đến công chức vẫn phải thực hiện trên 2 Hệ thống của Bộ Tư pháp và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.</p>	Bộ Tư pháp
24	UBND tỉnh Thái Bình	<p>Đề nghị Bộ xây dựng sớm trình Chính phủ ban hành quy định để thực thi phương án phân cấp đối với Thủ tục Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71, Nghị định 99/2015/NĐ-CP (mã TTHC: 1.010007).</p>	Bộ Xây dựng
25	UBND tỉnh Đồng Nai	<p>Về vướng mắc liên quan đến cá nhân đăng ký lần đầu thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp qua mạng trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia vẫn còn khó khăn, lúng túng trong việc nhập dữ liệu, đính kèm file điện tử hồ sơ nên hồ sơ đăng ký qua mạng có nhiều sai sót... dẫn đến đăng ký nhiều lần, kiến nghị Cục Quản lý đăng ký kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu cải tiến giao diện, hệ thống tạo điều kiện cho người dân đăng ký thuận lợi.</p>	Bộ Kế hoạch và Đầu tư

26	UBND tỉnh Long An	<p>Bộ Xây dựng ban hành Quyết định công bố TTHC bãi bỏ thành phần hồ sơ là sổ hộ khẩu thay thế cho Công văn số 890/BXD-VP ngày 13/3/2023 của Bộ Xây dựng để địa phương có căn cứ để công bố danh mục TTHC áp dụng tại địa phương theo đúng quy định.</p>	Bộ Xây dựng
		<p>Kiến nghị Bộ cho ý kiến và có hướng dẫn cụ thể đối với việc sẽ bị thiếu 01 thành phần hồ sơ “Giấy giới thiệu chuyên trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo nơi đi cấp” khi thực hiện 02 TTHC “Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông - mã TTHC: 2.002478” và “Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học - mã TTHC: 1.001088” trong trường hợp đối tượng chuyển trường từ các trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	Bộ Giáo dục và Đào tạo
27	UBND tỉnh Nghệ An	<p>Một số vướng mắc trong việc công bố Danh mục TTHC và thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ TTHC Lĩnh vực đất đai tại địa phương:</p> <p>(1) Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (mã 1.004199) tại Quyết định 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ quy định thời gian thực hiện cho Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày mà chưa quy định cho trường hợp cấp đổi đơn lẻ (theo nhu cầu) do đo vẽ lại bản đồ thì thực hiện trong thời gian bao nhiêu ngày? Nếu áp dụng trường hợp 7 ngày làm việc là không phù hợp, vì: Trong quy định phải chuyển hồ sơ cho UBND cấp xã xác nhận nội dung "Sự thay đổi đường ranh giới thửa đất kể từ khi cấp GCN đến nay..."; Đối với trường hợp tăng diện tích, theo quy định phải chuyển thông tin đến chi cục thuế để xác định nghĩa vụ tài chính. Vì vậy, nếu quy định 7 ngày làm việc là không thể thực hiện, do Hồ sơ phải qua nhiều cơ quan thực hiện: UBND xã xác nhận, Chi cục Thuế xác định nghĩa vụ tài chính, Chi nhánh VPĐK thẩm định...</p> <p>(2) Thủ tục Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đôn điền đổi thửa” (đồng loạt) (mã 1.003572): Đối với thủ tục này trên Cổng dịch vụ công quốc gia áp dụng mã 1.003572 cho trường hợp chưa thành lập Văn phòng Đăng ký đất đai, còn trường hợp đã thành lập VPĐK đất đai chưa có công bố TTHC.</p>	Bộ Tài nguyên và Môi trường
		<p>(1) Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe toàn trình yêu cầu Giấy khám sức khỏe điện tử cho người lái xe (do Cơ sở khám bệnh tuyến huyện trở lên cấp), tuy nhiên, thao tác nộp thủ tục còn phức tạp, nhiều công đoạn và phải nộp lại giấy phép lái xe cũ... dẫn đến người dân còn gặp nhiều khó khăn trong cách thức nộp trực tuyến.</p> <p>(2) Cục Đường bộ Việt Nam chưa liên thông, chia sẻ dữ liệu tiếp nhận dịch vụ công mức độ 4 về cấp đổi Giấy phép</p>	Bộ Giao thông vận tải

		<p>có vướng mắc như sau: Hiện nay, 11 TTHC đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và qua rà soát quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành “chưa có văn bản quy phạm pháp luật cụ thể nào quy định về việc giao nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết TTHC cho đơn vị khác trong trường hợp không tiếp tục duy trì tổ chức Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ”. Do đó, trong thời gian từ 20/6/2023 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ gặp vướng mắc về thẩm quyền tiếp nhận, xử lý các TTHC thuộc thẩm quyền trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và cơ sở pháp lý để địa phương công bố TTHC; dẫn đến các khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giải quyết TTHC tại địa phương.</p>	
		<p>Kiến nghị Bộ cấp quyền tiếp nhận và xử lý đối với các hồ sơ thực hiện theo mô hình phi địa giới, tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với 03 thủ tục dịch vụ công thiết yếu trên Cổng dịch vụ công của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hướng dẫn xử lý đối với các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện (<i>Văn bản số 6419/STNMT-VPĐK ngày 15/8/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>).</p>	<p>Bộ Tài nguyên và Môi trường</p>
29	UBND tỉnh Khánh Hòa	<p>Đề nghị phân quyền tài khoản theo dõi, thống kê, báo cáo cho địa phương trên phần mềm dịch vụ công liên thông của Bộ Công an; kịp thời hỗ trợ nhanh chóng cho các địa phương khi gặp các lỗi thao tác trên phần mềm liên thông và sớm hoàn thiện phần mềm liên thông để khắc phục một số khó khăn, vướng mắc nêu trên.</p>	<p>Bộ Công an</p>
		<p>Hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện đồng bộ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ của phần mềm do Bộ triển khai với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>
		<p>(1) Nhằm giúp cho công tác rà soát, công bố danh mục TTHC của tỉnh đầy đủ và kịp thời, đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm đẩy mạnh, rà soát kiện toàn công bố toàn bộ danh mục TTHC cấp tỉnh thống nhất, phù hợp các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và đăng tải kịp thời các quyết định đã công bố lên trang thông tin điện tử của Bộ, Cổng Dịch vụ công quốc gia;</p> <p>(2) Bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, các loại giấy tờ khác có giá trị tương đương. Trường hợp giấy tờ bị thất lạc phải có xác nhận của cơ quan ban hành</p>	<p>Bộ Khoa học và Công nghệ</p>

		<p>hoặc cấp loại giấy tờ đó”. Lý do: Một trong những điều kiện để tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ là phải “Được thành lập theo quy định của pháp luật” và việc chứng nhận thành lập này đã có trên cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Ngoài ra, thông tin Tổ chức/cá nhân đã thể hiện trên thành phần “Đơn đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ”, do đó việc yêu cầu nộp thành phần hồ sơ này là không cần thiết. Vậy, khi tổ chức/ cá nhân thực hiện Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (<i>Sử dụng thiết bị X - quang trong chẩn đoán y tế</i>) không cần thiết phải nộp thêm “Bản sao của một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập tổ chức, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, các loại giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p>		
		<p>(1) Đề nghị bãi bỏ 03 TTHC thuộc lĩnh vực 2.000673, 2.000679, 2.000672. Lý do: Theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (<i>được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu</i>), thương nhân kinh doanh xăng dầu có hệ thống từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trở lên thuộc diện phải cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu mà không yêu cầu phải đáp ứng thêm các điều kiện về cơ sở vật chất hay phương tiện vận tải vận chuyên xăng dầu. Tuy nhiên, mỗi cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn 05 năm trở lên của thương nhân làm đại lý bán lẻ xăng dầu, cũng phải được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu trước khi đi vào hoạt động. Do đó, đối với những doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu có từ 02 cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn 05 năm trở lên, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục 02 thủ tục là xin cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. Điều này gây lãng phí cho doanh nghiệp, đồng thời không cần thiết cho hoạt động quản lý nhà nước vì chỉ cần Giấy xác nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ xăng dầu cơ quan quản lý đã nắm được tình hình bán lẻ xăng dầu trên địa bàn.</p> <p>(2) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ quy định tại các Điều 19, 20, 21 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (<i>được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu</i>).</p>	Bộ Công Thương	
		<p>Kiến nghị bãi bỏ các thành phần hồ sơ là Phiếu lý lịch tư pháp đối với: Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường</p>	Bộ Y tế	

		hợp cấp Chứng chỉ hành nghề được bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật được) theo hình thức xét hồ sơ. Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
30	UBND tỉnh Quảng Nam	Đề nghị nghiên cứu, tham mưu sửa đổi Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó xem xét bãi bỏ quy định TTHC đối với thủ tục công nhận và đưa ra khỏi danh sách người có uy tín.	Ủy ban Dân tộc
31	UBND tỉnh Quảng Ngãi	Hiện tỉnh đã triển khai hiệu quả ứng dụng "DVC Quảng Ngãi" với dịch vụ công trực tuyến Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh. Vì vậy, UBND tỉnh kiến nghị với Bộ xem xét cho tỉnh thực hiện kết nối, liên thông tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trực tuyến thông qua ứng dụng và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh với Cổng đăng ký kinh doanh của Bộ KHĐT để nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của địa phương.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
32	UBND tỉnh Quảng Trị	Kiến nghị Bộ phối hợp thống nhất với Cổng Dịch vụ công quốc gia để triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tiện lợi khác nhưng vẫn được ghi nhận là thanh toán không dùng tiền mặt - thanh toán trực tuyến trong thanh toán phí lệ phí giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.	Bộ Thông tin và Truyền thông